

BÁO CÁO
TỔNG KẾT ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG
NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐẾN NĂM 2020

Phần thứ nhất:
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. MỘT SỐ THÔNG TIN CHUNG

1. Bối cảnh:

Hải Phòng triển khai thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” được phê duyệt tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Đề án) giai đoạn 2010-2020 trong điều kiện khá thuận lợi: Kinh tế thành phố tăng trưởng nhanh; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, năm 2012 tỉ trọng dịch vụ và công nghiệp chiếm gần 90%, dịch vụ cảng biển phát triển nhanh. Từng bước khẳng định Hải Phòng là một trong những trung tâm công nghiệp của vùng Duyên hải Bắc bộ và cả nước. Đồng thời Hải Phòng tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới, triển khai tích cực các định hướng lớn về phát triển thành phố tại Kết luận số 72-KL/W ngày 10/10/2013 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 5/8/2003 của Bộ Chính trị khoá IX "về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"; các chủ trương, giải pháp có tính đột phá được tập trung thực hiện và đạt hiệu quả cao. Trong đó, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu là cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh đã được chú trọng đẩy mạnh, từ năm 2011 thu hút FDI đã phục hồi, tăng nhanh. Ngoài ra, trong giai đoạn này, do tác động của khủng hoảng tài chính kinh tế thế giới và khu vực, một số đơn vị, tập đoàn lớn như ngành đóng tàu, hàng hải... phải dừng hoạt động hoặc phải điều chỉnh cơ cấu đầu tư, cơ cấu lao động, cơ cấu sản phẩm... dẫn đến tăng nhu cầu học nghề của người lao động để tìm việc làm mới, chuyển đổi nghề hoặc nâng cao tay nghề đảm bảo việc làm bền vững. Theo đó, đòi hỏi phải tăng cường chất lượng đào tạo nghề nghiệp mới có thể đáp ứng nhân lực kỹ thuật cả về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của các nhà đầu tư.

Trước bối cảnh đó, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 có ý nghĩa quan trọng với mục tiêu đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Hải Phòng, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, tái cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa công nghiệp gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới được xem là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa mang tính chiến lược lâu dài của các cấp, các ngành và nhân dân thành phố. Theo đó, ngay sau khi Đề án được ban hành, thành phố Hải Phòng đã đề xuất và được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội lựa chọn là 1 trong 11 tỉnh, thành phố tổ chức thí

điểm hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn với cách làm đổi mới chuyển từ hỗ trợ lao động nông thôn theo tháng học nghề sang hỗ trợ theo khóa học, trên cơ sở kết quả rà soát, xác định nhu cầu học nghề cũng như yêu cầu của người sử dụng lao động của từng địa phương. Từ đó đúc rút kinh nghiệm đã khẳng định đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo chính sách Đề án là đúng đắn và phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố, góp phần xây dựng và phát triển nguồn nhân lực qua đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố.

2. Điều kiện hiện tại:

Hải Phòng là thành phố ven biển, đầu mối giao thương của các tỉnh Duyên hải Bắc Bộ, cách thủ đô Hà Nội 102 km, tổng diện tích của thành phố là 1.519 km², có 15 đơn vị hành chính trực thuộc gồm 07 quận, 08 huyện. Năm 2019, dân số của thành phố là 2.028.514 người. Trong đó dân số ở khu vực nông thôn là 1.103.773 người, chiếm 54,4%. Lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc năm 2019 ước tính 1.128,8 nghìn người, bằng 55,64% dân số.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 43% vào năm 2010; năm 2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 53%, tỷ lệ qua đào tạo có chứng chỉ, bằng cấp từ 03 tháng trở lên đạt 27,6%; năm 2020, ước tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 60%, tỷ lệ qua đào tạo có chứng chỉ, bằng cấp từ 03 tháng trở lên đạt 35%.

- Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố tính đến hết tháng 9/2020: 56 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và 11 cơ sở hoạt động GDNN, trong đó:

- + Trường cao đẳng: 16 trường (công lập: 13 trường).
- + Trường trung cấp: 14 trường (công lập: 07 trường).
- + Trung tâm GDNN: 26 trung tâm (công lập cấp huyện: 14; trung tâm GDNN công lập: 02).
- + Doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp: 11 đơn vị.
- + Trường đại học đăng ký hoạt động GDNN trình độ cao đẳng: 0.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2010-2015:

- Đào tạo nghề cho 143.500 lao động nông thôn, trong đó:
 - + 16.500 lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo từ ngân sách thành phố;
 - + 5.000 lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo theo hình thức đặt hàng;
 - + 122.000 lao động nông thôn được đào tạo theo hình thức xã hội hóa.
- Tỷ lệ có việc làm sau đào tạo đạt 85% (nhóm đối tượng được hỗ trợ).
- Đào tạo, bồi dưỡng cho 13.800 lượt cán bộ công chức xã/phường.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020:

- Đào tạo nghề cho 120.000 lao động nông thôn, trong đó:
 - + 14.000 lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo từ ngân sách thành phố;
 - + 106.000 lao động nông thôn được đào tạo theo hình thức xã hội hóa.
- Tỷ lệ có việc làm sau đào tạo đạt 85% (nhóm đối tượng được hỗ trợ).
- Đào tạo, bồi dưỡng cho 3.000 lượt cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

III. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

1. Xây dựng bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án:

Giai đoạn 2010-2020, Ban Thường vụ Thành ủy đã ban hành Thông tri số 15-TT/TU ngày 07/8/2013 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn. Trong đó, yêu cầu các Đảng bộ, các Ban Cán sự đảng, đảng đoàn, các Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể chính trị - xã hội đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền; các Sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các đoàn thể nhân dân và lao động nông thôn về tầm quan trọng của công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đối với sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn trên địa bàn thành phố, nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Nhấn mạnh quán triệt quan điểm không tổ chức đào tạo nghề khi chưa dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của lao động sau khi học nghề.

Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Chương trình hành động số 191/CTr-UBND ngày 08/01/2014 thực hiện Thông tri số 15-TTTr/TU, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố triển khai thực hiện, đồng thời chỉ đạo các Sở, ngành, đoàn thể, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị để triển khai thực hiện nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Bộ máy chỉ đạo thực hiện Đề án được đồng bộ từ thành phố đến cấp huyện, cấp xã. Năm 2010, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thành phố thực hiện Đề án¹; trong đó, đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố là Trưởng Ban Chỉ đạo, Phó Trưởng Ban thường trực là Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và thành viên là các lãnh đạo Sở, ngành thành phố. Năm 2011, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thành lập Tổ công tác giúp việc thực hiện Đề án.²

¹ Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 16/4/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Ban Chỉ đạo thành phố thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg.

² Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/4/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo thành phố thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg.

Ban Chỉ đạo Đề án cấp huyện, xã được thành lập đảm bảo đúng nhân sự theo quy định, gồm Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban thường trực, Phó trưởng Ban và các thành viên. Ban Chỉ đạo có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án hàng năm và phân công cho các thành viên thực hiện. Kết quả có 12/14 quận, huyện thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án cấp huyện; 124/223 xã, phường, thị trấn thành lập Ban Chỉ đạo/Tổ công tác thực hiện Đề án cấp xã.

Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan Thường trực giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố. Ngoài ra, từ năm 2012, Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì chỉ đạo và tổ chức thực hiện đối với đào tạo nghề nông nghiệp. Sở Nội vụ chủ trì, tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn³.

Các Sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các quận, huyện phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến các chế độ, chính sách trong lĩnh vực GDNN nói chung, trong đó có Đề án; thực hiện chế độ hỗ trợ đào tạo nghề, chế độ cho người học nghề đảm bảo đầy đủ, đúng chế độ, đúng quy định. Công tác quản lý, giám sát việc sử dụng ngân sách về đào tạo nghề được kiểm soát chặt chẽ, thực hiện thanh quyết toán đúng quy định.

*** Hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp:**

Ban Chỉ đạo các cấp đã thực hiện hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và thành phố về triển khai các hoạt động của Đề án. Ngay từ khi được thành lập, Ban Chỉ đạo các cấp đã triển khai hoạt động rà soát nhu cầu học nghề của người lao động, nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn, từ đó dự báo nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn làm cơ sở xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề, giải quyết việc làm tại địa phương hàng năm.

Ban Chỉ đạo các cấp đã tích cực tuyên truyền học nghề, việc làm, vay vốn phát triển sản xuất đối với người lao động và lao động nông thôn; hàng năm rà soát, cập nhật danh mục ngành nghề đào tạo, đánh giá năng lực của các cơ sở đào tạo trên địa bàn; có biện pháp tăng cường cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý dạy nghề/giáo dục nghề nghiệp đối với các cơ sở đào tạo công lập thuộc thẩm quyền quản lý; tạo điều kiện cho các cơ sở đào tạo triển khai hoạt động đào tạo trên địa bàn, rà soát, xác nhận đối tượng học nghề; kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án hàng năm.

*** Những chuyển biến nổi bật về tổ chức bộ máy trong chỉ đạo, điều hành và năng lực, nhận thức, kỹ năng, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ:**

Việc cụ thể hóa công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã được Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố đặc biệt quan tâm, ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo để triển khai, tổ chức thực hiện. Hàng năm khi xây dựng Nghị quyết của Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố về thực hiện nhiệm vụ phát triển

³ Kế hoạch số 3075/KH-UBND ngày 28/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2012

kinh tế - xã hội thành phố đều đề cập đến nhiệm vụ công tác đào tạo nghề với chỉ tiêu cụ thể. Hàng năm, Ủy ban nhân dân thành phố đều ban hành kế hoạch và chỉ đạo các Sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, quận tổ chức triển khai thực hiện.

Để triển khai Đề án, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các quận, huyện đã bố trí cán bộ lãnh đạo, công chức theo dõi lĩnh vực GDNN. Đội ngũ cán bộ công chức xã, phường, thị trấn hàng năm được tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng lãnh đạo, quản lý trên các lĩnh vực, phục vụ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn. Hầu hết số cán bộ, công chức xã sau được bồi dưỡng đều có chuyển biến về năng lực, chất lượng tham mưu, phương pháp thực hiện nhiệm vụ ngày càng được nâng lên rõ rệt. Kết quả bồi dưỡng đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao mặt bằng chung về trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức xã, đảm bảo cho công tác quy hoạch và gắn liền với nhu cầu sử dụng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và yêu cầu công việc. Nhiều cán bộ, công chức đã tự giác theo học các lớp đào tạo với nhiều chuyên ngành khác nhau; sau khi được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc của cán bộ, công chức đã được nâng lên đáng kể.

Các cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã từng bước khẳng định được vị thế và uy tín trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp và cho xã hội. Đối với người lao động nông thôn, sau khi học nghề đã tiếp cận, cập nhật được kiến thức mới về lĩnh vực mình được đào tạo, áp dụng vào sản xuất, biết cách làm ăn mới, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, tạo việc làm tại chỗ, hoặc tự hành nghề để kiếm sống, có cơ hội được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ sở sản xuất và các doanh nghiệp tại địa phương qua đó nâng cao thu nhập cho bản thân và gia đình, góp phần ổn định cuộc sống. Kết quả trên đã góp phần tích cực trong việc thay đổi tư duy lao động sản xuất của người dân, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững trong khu vực nông thôn trên địa bàn thành phố.

*** Đánh giá chung:**

- Thuận lợi: Ngay từ thời gian đầu triển khai thực hiện Đề án, Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành kịp thời nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành và hướng dẫn đến các Sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể và các địa phương, đơn vị trong toàn thành phố. Theo đó, việc triển khai hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố luôn được các đơn vị, địa phương trong toàn thành phố chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả, thu hút được nhiều nguồn lực tham gia hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đạt được mục tiêu Đề án.

- Khó khăn, vướng mắc, tồn tại bất cập: Ban Chỉ đạo các cấp chưa tổ chức được các phiên họp định kỳ; thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án các cấp hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm trong khi thời gian thực hiện Đề án dài, do vậy nhân sự tham gia Ban Chỉ đạo các ngành, đơn vị luôn được điều chỉnh, bổ sung để kiện

toàn dẫn đến việc nắm bắt, chỉ đạo các hoạt động của Đề án chưa kịp thời, thường xuyên.

Sự phối hợp giữa các Sở, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội từ thành phố đến cấp huyện, xã còn nhiều hạn chế; giữa cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện với các cơ sở GDNN chưa chặt chẽ; chưa cung cấp được đầy đủ danh mục nghề cho người lao động có nhu cầu học; chưa nêu được các yếu tố đặc thù của địa phương về cơ cấu ngành nghề sản xuất, cơ cấu lao động về độ tuổi, giới tính, đặc điểm lao động, yêu cầu, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp; thực trạng và dự báo phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để cơ sở GDNN lựa chọn, tư vấn và đào tạo ngành nghề phù hợp.

Công tác báo cáo, việc triển khai kế hoạch đào tạo hàng năm cũng như giai đoạn của các cơ sở còn chưa kịp thời, dẫn đến công tác thanh quyết toán hàng năm bị chậm.

- Nguyên nhân: Do có sự thay đổi nhân sự trong Ban Chỉ đạo các cấp. Số lượng, chất lượng cán bộ phụ trách công tác hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong các ngành còn ít và chủ yếu là kiêm nhiệm.

- Đề xuất: Cần có chính sách về cán bộ để đảm bảo Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án cấp xã có cán bộ chuyên trách, phụ trách công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Đề án:

2.1. Các chính sách của thành phố khi triển khai thực hiện Đề án:

Quá trình triển khai thực hiện Đề án, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan Thường trực Đề án đã phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố, Thành ủy ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tổ chức triển khai, đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố. Cụ thể một số văn bản chỉ đạo, điều hành:

* Giai đoạn 2010-2015:

- Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 10/8/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Hải Phòng đến năm 2020” (Quyết định số 1342/QĐ-UBND), quy định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện Đề án.

- Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 04/5/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức, hoạt động của các Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Trung tâm Dạy nghề quận, huyện; theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các Quyết định sáp nhập Trung tâm Dạy nghề và Trung tâm Giáo dục thường xuyên các quận, huyện thành Trung tâm Dạy nghề và Giáo dục thường xuyên các quận, huyện.

- Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 22/10/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt mức chi phí và mức hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp nghề

thuộc Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Hải Phòng đến năm 2020”. Theo đó, thành phố phê duyệt mức chi phí và mức hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp nghề cho 23 nghề nhóm phi nông nghiệp, 04 nghề nhóm nông nghiệp.

- Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 02/10/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng phần mềm Quản lý Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Hải Phòng.

- Quyết định số 2744/2015/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định mức chi phí và chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho người khuyết tật đến năm 2020 trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Theo đó, thành phố phê duyệt mức chi phí và mức hỗ trợ đào tạo cho 10 nghề trình độ sơ cấp, 04 nghề đào tạo dưới 03 tháng và chính sách hỗ trợ đào tạo cho người khuyết tật.

* Giai đoạn 2016-2020:

- Quyết định số 2172/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Hải Phòng đến năm 2020” tại Quyết định số 1342/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung nhiệm vụ hướng nghiệp và đổi tên Trung tâm Dạy nghề và Giáo dục thường xuyên các quận, huyện thành Trung tâm GDNN - GDTX các quận, huyện.

- Quyết định số 1129/2017/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Theo đó, thành phố phê duyệt mức chi phí và mức hỗ trợ đào tạo cho 222 nghề trình độ sơ cấp, 22 nghề đào tạo dưới 03 tháng và chính sách hỗ trợ đào tạo cho lao động nông thôn và các đối tượng chính sách.

- Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Theo đó, thành phố phê duyệt mức chi phí và mức hỗ trợ đào tạo cho người trong độ tuổi lao động tham gia học các nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn thành phố.

Ngoài ra, trên cơ sở tổng hợp nhu cầu hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn của các Sở, địa phương, cơ sở đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các Quyết định phê duyệt giao nhiệm vụ và phân bổ kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã, phường, thị trấn; trong đó, giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện các hoạt động của Đề án cho từng cơ quan, đơn vị.

2.2. Đánh giá điểm nổi bật trong chính sách thực hiện Đề án:

Công tác tham mưu xây dựng, ban hành cơ chế chính sách thực hiện Đề án và các văn bản hướng dẫn của giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020 đã được đảm bảo; danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng của thành phố Hải Phòng được cụ thể hóa với 182 nghề phi nông nghiệp, 91 nghề nông nghiệp, 04 nghề đào tạo dưới 03 tháng được phê duyệt mức hỗ trợ đào tạo. Trên cơ sở đó các cấp, các ngành, các huyện đã chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện đưa các chế độ chính sách đào tạo nghề đi vào cuộc sống, 100% đối tượng lao động nông thôn được tiếp cận và hỗ trợ đầy đủ các chế độ, chính sách đào tạo nghề, góp phần nâng cao tỷ lệ lao động nông thôn đã qua đào tạo, bảo đảm an sinh xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ngoài ra, chính sách nổi bật từ Quyết định số 1923/QĐ-UBND giúp kiểm tra các đối tượng đã tham gia học nghề tránh trùng lặp, đối tượng học quá tuổi được thụ hưởng chính sách của Đề án.

3. Tình hình thực hiện mục tiêu Đề án:

3.1. Kết quả thực hiện mục tiêu Đề án giai đoạn 2010-2015:

Giai đoạn 2010-2015 đào tạo nghề cho 143.500 lao động nông thôn, đạt 100% kế hoạch theo Quyết định số 1342/QĐ-UBND. Trong đó hỗ trợ đào tạo cho 25.776 người, đạt 119% kế hoạch theo Quyết định số 1342/QĐ-UBND (*mục tiêu tại Quyết định số 1342/QĐ-UBND là 21.500 lao động nông thôn được hỗ trợ, trong đó: 16.500 người được hỗ trợ đào tạo từ ngân sách thành phố, 5.000 người được hỗ trợ đào tạo theo hình thức đặt hàng từ ngân sách Trung ương*).

3.2. Kết quả thực hiện mục tiêu Đề án giai đoạn 2016-2020:

Giai đoạn 2016-2020 đào tạo nghề cho 120.000 lao động nông thôn, đạt 100% kế hoạch theo Quyết định số 1342/QĐ-UBND. Trong đó, ước hỗ trợ đào tạo cho 13.763 người, đạt 98,3% kế hoạch theo Quyết định số 1342/QĐ-UBND, Quyết định số 2172/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1342/QĐ-UBND (*mục tiêu tại Quyết định số 2172/QĐ-UBND, giai đoạn 2016-2020 trung bình hàng năm hỗ trợ đào tạo cho 2.800 người*).

3.3. Đánh giá chung:

Nhìn chung, so với các mục tiêu của Đề án, việc hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn 2016-2020, về số lượng lao động nông thôn được hỗ trợ từ nguồn ngân sách đảm bảo đạt mục tiêu Đề án; về giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo đạt tối thiểu 85% trở lên; học viên lao động nông thôn thuộc đối tượng chính sách được hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại đảm bảo quy định, đã góp phần nâng cao chất lượng lao động nông thôn trên địa bàn thành phố. Hiệu quả thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố đã góp phần giúp cho hàng ngàn lao động, trong đó có đối tượng chính sách, người khuyết tật, người bị thu hồi đất, người nghèo... có kỹ năng nghề. Sau khi tốt nghiệp, nhiều lao động nông thôn được tuyển dụng vào các doanh nghiệp ngay tại

địa phương. Nhiều lao động có thể tự kinh doanh, khởi nghiệp bằng chính nghề được học. Nhiều lao động áp dụng có hiệu quả vào phát triển sản xuất, có thu nhập cao. Chất lượng lao động nông thôn thành phố Hải Phòng ngày càng tăng làm thúc đẩy phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm nghèo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và thực hiện đạt mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố.

Tuy nhiên, số nghề đào tạo chỉ tập trung vào một số nghề phổ biến, truyền thống; thời gian đào tạo đối với một số nghề chưa phù hợp, kinh phí hỗ trợ thấp do vậy tỷ lệ việc làm tuy cao nhưng không bền vững; một số cơ sở đào tạo tư vấn học nghề đối với những nghề mà họ có năng lực đào tạo, chưa chú ý đến việc đào tạo nghề nhằm phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp dẫn đến ảnh hưởng mục tiêu chuyển đổi tỷ lệ cơ cấu lao động tại một số địa phương.

4. Tình hình thực hiện các chính sách của Đề án:

4.1. Chính sách đối với người học:

100% lao động nông thôn khi tham gia học nghề được tiếp cận đầy đủ, đúng đối tượng chính sách hỗ trợ của Đề án; hình thức dạy nghề đã được đa dạng, đào tạo theo đề xuất, nhu cầu của người học, đào tạo lưu động tại các xã, tạo điều kiện để người lao động có cơ hội học nghề tham gia phát triển kinh tế gia đình và địa phương. Người học khi tham gia học nghề được trang bị đầy đủ những kiến thức cơ bản theo nghề được đào tạo, được trực tiếp tham gia vào quá trình thực hành, thực tế vận dụng vào phát triển sản xuất tại gia đình, được tư vấn nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm hoặc tự tạo việc làm. Sau khi tốt nghiệp, đa số các học viên có việc làm theo hình thức tuyển dụng vào doanh nghiệp, hoặc tự sản xuất, kinh doanh tại gia đình, địa phương góp phần tăng thu nhập, ổn định cuộc sống.

Cụ thể: Giai đoạn 2010-2020 ước 27.817 lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo từ ngân sách thành phố, số lao động nữ là 16.801 người, chiếm 60,4% số người được hỗ trợ đào tạo; số học viên đối tượng chính sách được hưởng hỗ trợ tiền ăn là 5.048 người, chiếm 18% số người được hỗ trợ, trong đó: 372 người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, 382 người khuyết tật, 2.529 người thuộc hộ nghèo, 769 người thuộc hộ cận nghèo, 996 người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh. Ngoài việc hỗ trợ đào tạo, người học được hỗ trợ vay vốn từ các chương trình, dự án:

- Về chính sách cho vay tín dụng hỗ trợ học nghề: Triển khai chương trình tín dụng đối với học sinh, sinh viên, từ năm 2010 đến ngày 30/7/2019, Ngân hàng chính sách xã hội đã hỗ trợ 26.942 học sinh, sinh viên được vay vốn đi học, doanh số cho vay: 432.572 triệu đồng; Chương trình cho vay tạo việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm: Doanh số cho vay 567.030 triệu đồng, tạo mới, duy trì và mở rộng việc làm cho 21.136 lao động. Chương trình này đã giúp học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn của thành phố được vay vốn đi học, ra trường tìm được việc làm, từ đó phát triển kinh tế gia đình và địa phương, góp phần làm giảm tỷ lệ thất

nghiệp, giảm tỷ lệ hộ nghèo, nâng cao đời sống xã hội và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn thành phố.

Từ nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội ủy thác cho Đoàn Thanh niên quản lý đạt 207.655,3 triệu đồng cho gần 7.347 hộ vay qua 199 Tổ Tiết kiệm và vay vốn. Từ Chương trình 120 (vốn Quỹ quốc gia giải quyết việc làm) do Trung ương Đoàn giao quản lý với tổng dư nợ là 1.260,58 triệu đồng cho 12 dự án, qua đó góp phần hỗ trợ thanh niên phát triển kinh tế và giải quyết việc làm.

- *Về chính sách cho vay từ Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố Hải Phòng:* Tổng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp hiện đang quản lý là 49 tỷ 033 đồng cho 700 hộ vay; từ Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố ủy thác là 885 tỷ 449 triệu đồng cho 28.757 hộ vay để phát triển sản xuất; trong đó dành phần lớn nguồn Quỹ Hỗ trợ nông dân cho các hộ tham gia học nghề, chuyển đổi mô hình sản xuất sau khi học nghề. Các hộ vay vốn đầu tư thực hiện: 25 dự án trồng trọt (*chiếm 9,33%*); 48 dự án chăn nuôi (*chiếm 17,9%*); 178 dự án thủy sản (*chiếm 65,6%*); 19 dự án dịch vụ và các loại hình khác (*chiếm 7,17%*), góp phần thực hiện có hiệu quả nguồn vốn vay từ Quỹ Hỗ trợ nông dân đến các hộ nông dân, cũng như xây dựng các mô hình phát triển kinh tế của thành phố.

4.2. Chính sách đối với giáo viên, giảng viên:

Chế độ, chính sách đối với giáo viên, cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân được thực hiện đảm bảo theo đúng quy định hiện hành; ngoài ra công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển giáo viên, giảng viên được quan tâm đặc biệt. Hàng năm các Sở, ngành, cơ sở GDNN,... tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ làm công tác giảng dạy về chuyên môn, nghiệp vụ và công tác tư vấn học nghề và việc làm, định hướng nghề nghiệp, từ đó chất lượng giảng dạy được nâng lên rõ rệt.

Tuy nhiên, thành phố còn chưa có tiêu chuẩn, chế độ, cơ chế đãi ngộ phù hợp để thu hút được nhiều cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm, có kỹ năng từ doanh nghiệp tham gia giảng dạy. Số giáo viên giáo dục nghề nghiệp được bố trí biên chế tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên quận, huyện hạn chế, hầu hết các trung tâm đều phải hợp đồng với giáo viên thỉnh giảng dẫn đến không tự chủ về kế hoạch đào tạo, chất lượng chưa cao.

4.3. Chính sách đối với cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

Giai đoạn 2010-2015, có 12 cơ sở GDNN công lập quận/huyện chưa đáp ứng được yêu cầu đảm bảo chất lượng đào tạo đã được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo với tổng kinh phí 59 tỷ đồng từ ngân sách Trung ương. Trong đó có 02 Trung tâm giáo dục thường xuyên ở 02 quận, huyện chưa có Trung tâm dạy nghề được hỗ trợ kinh phí để mua sắm thiết bị dạy nghề, đúng theo chính sách thực hiện Đề án. Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ đối với cơ sở GDNN về nội dung cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo chủ yếu được triển khai giai đoạn đầu của Đề án (2010-2012). Từ năm 2013 đến nay, không có cơ sở GDNN nào thuộc thành phố được hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo chính sách Đề án.

4.4. Đánh giá chung:

Các chính sách đối với người học, giáo viên, người dạy nghề, cơ sở đào tạo cơ bản được thực hiện đầy đủ, đúng quy định. Tuy nhiên, số người học được vay vốn từ các ngân hàng thương mại để phát triển sản xuất chưa nhiều, khó thống kê do không đủ nguồn lực. Một số người dạy nghề là nghệ nhân cấp thành phố, nghệ nhân làng nghề Việt Nam không được trả thù lao đảm bảo mức tối thiểu 300.000 đồng/buổi do kinh phí hỗ trợ đào tạo trên một lớp thấp, không đảm bảo cân đối. Đối với chính sách hỗ trợ đào tạo cho cơ sở GDNN, giai đoạn 2010 - 2015, các cơ sở đều phát huy tối đa công năng sử dụng thiết bị đào tạo được đầu tư, tạo điều kiện cho người học được thực tập, thực hành đảm bảo yêu cầu theo chương trình đào tạo. Tuy nhiên, sau quá trình khai thác sử dụng đến nay, nhiều thiết bị không còn phù hợp với công nghệ mới và yêu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp, chỉ còn để sử dụng để thực hiện chương trình đào tạo dưới 03 tháng và học lý thuyết nghề; các hoạt động liên quan đến thực hành, thực tập GDNN hiện nay đều do được hỗ trợ, đầu tư bởi các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo hình thức liên kết đào tạo nhằm cung cấp lao động cho các doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp.

5. Tình hình thực hiện các giải pháp chủ yếu của Đề án:

5.1. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, của cán bộ, công chức xã và lao động nông thôn về vai trò của đào tạo nghề đối với việc tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn:

Xác định công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn là một trong những giải pháp trọng tâm trong phát triển kinh tế gắn với giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2011-2015 và nhiệm kỳ 2016-2020 đã chỉ đạo tập trung thực hiện, phấn đấu đến năm 2015 lệ lao động qua đào tạo đạt 75% và năm 2020 đạt 85%; Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo để triển khai, tổ chức thực hiện. Ban chỉ đạo thực hiện Đề án các cấp, các ngành, địa phương trên địa bàn thành phố thực hiện tuyên truyền, phổ biến thông qua các Hội nghị, các phương tiện truyền thông đại chúng như Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng, Cổng Thông tin điện tử thành phố, Báo Hải Phòng, Báo An ninh Hải Phòng..., website của các cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố. Nội dung tuyên truyền tập trung vào quán triệt, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác đào tạo nghề đến cán bộ, đảng viên và nhân dân; vai trò, vị trí của đào tạo nghề; vận động đoàn viên, hội viên các hội, đoàn thể và nhân dân tham gia học nghề, tạo việc làm; tuyên truyền các mô hình đào tạo nghề gắn với việc làm có hiệu quả; giới thiệu những gương tiêu biểu, điển hình trong phát triển kinh tế để nhân dân biết, tích cực tham gia học nghề, tạo việc làm, nâng cao thu nhập góp phần cải thiện đời sống. Từ đó, góp phần nâng cao nhận thức của xã hội và người dân về học nghề, giúp lao động nông thôn biết chính sách hỗ trợ học nghề, tích cực tham gia học nghề; phát huy sức mạnh tổng hợp, đồng bộ của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và toàn dân trong việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch, tổ chức thực hiện cuộc vận động "Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới" trên địa bàn thành phố.

5.2. Phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo:

Đến hết tháng 8/2020, thành phố có 56 cơ sở GDNN, gồm: 16 trường cao đẳng, 14 trường trung cấp, 12 trung tâm GDNN, 14 trung tâm GDNN - GDTX các quận, huyện và 11 cơ sở hoạt động GDNN. Các cơ sở GDNN và cơ sở hoạt động GDNN đều tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Trong đó 13 trường cao đẳng, 07 trường trung cấp, 11 trung tâm GDNN-GDTX huyện, quận, 02 trung tâm GDNN thuộc đoàn thể và 04 cơ sở hoạt động GDNN trực tiếp tham gia hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Giai đoạn 2010-2020, đã có sự biến động trong hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của thành phố, như sau: Đã kiện toàn, sắp xếp tổ chức, hoạt động các trung tâm Dạy nghề và trung tâm Giáo dục thường xuyên quận, huyện; đã thành lập mới 01 trung tâm dạy nghề công lập⁴ và 01 trung tâm GDNN tư thực⁵; đã chuyển nguyên trạng 01 trường trung cấp từ Sở Giáo dục và Đào tạo và chuyển giao chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp từ Sở Giáo dục và Đào tạo sang Sở Lao động - Thương binh và Xã hội⁶; đã giải thể 01 trường trung cấp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội⁷, giải thể 01 trường trung cấp thuộc Ủy ban nhân dân huyện An Dương⁸.

Triển khai thực hiện Đề án, thành phố đã huy động các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm GDNN thuộc các tổ chức chính trị - xã hội thành phố, hệ thống trung tâm GDNN-GDTX huyện, quận tham gia công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn; huy động Trường Đại học Hải Phòng, Trường Chính trị Tô Hiệu, Trường Cao đẳng Cộng đồng, Trung tâm Thông tin - Tin học thành phố, Trung tâm Giáo dục thường xuyên Hải Phòng tham gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

5.3. Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý:

5.3.1. Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý dạy nghề/GDNN:

Xác định công tác phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề/GDNN là một trong những giải pháp quan trọng nhất để nâng cao chất lượng đào tạo. Hàng năm, thành phố đều bố trí kinh phí để tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề nhằm chuẩn hóa, nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên, người dạy nghề. Ngoài ra, các cơ sở đào tạo khuyến khích, động viên đội ngũ giáo viên, người dạy nghề, cán bộ quản lý chủ động tự bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

⁴ Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của UBND thành phố về việc thành lập Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân thành phố.

⁵ Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của UBND thành phố về việc cho phép thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp bảo vệ Việt Thắng.

⁶ Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của UBND thành phố về việc chuyển giao nguyên trạng trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật và Công nghệ Hải Phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo sang Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và chuyển giao chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp đối với các trường cao đẳng, trường trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn thành phố về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

⁷ Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 của UBND thành phố phê duyệt Đề án giải thể Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật và công nghệ Hải Phòng trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

⁸ Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND thành phố phê duyệt Đề án giải thể Trường Trung cấp An Dương trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện An Dương.

Đề án đã huy động được cán bộ kỹ thuật tại Trung tâm Khuyến nông thành phố, Chi cục Thú y, Chi cục Trồng trọt, nghề nhân, thợ lành nghề tại các hợp tác xã, làng nghề, cán bộ kỹ thuật tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cán bộ quản lý nhà hàng... tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn. Đối với hệ thống trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện đã phân đầu đảm bảo nhà giáo cơ hữu cho mỗi trung tâm. Tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các quận, huyện đã bố trí công chức quản lý GDNN.

5.3.2. Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã:

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn đã thu hút đội ngũ giảng viên, giáo viên tại các cơ sở đào tạo tham gia Đề án; thu hút những lãnh đạo, nguyên lãnh đạo thành phố, những người có năng lực đang công tác tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố tham gia giảng dạy theo chế độ thỉnh giảng, báo cáo viên.

5.4. Phát triển chương trình, giáo trình, học liệu:

5.4.1. Phát triển chương trình, giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên:

Các cơ sở GDNN đã chủ động xây dựng, cập nhật, chỉnh sửa, biên soạn chương trình, giáo trình, học liệu đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên đảm bảo quy định và theo yêu cầu của thị trường lao động, kỹ thuật, công nghệ mới.

Đề án đã huy động các cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý tại các doanh nghiệp cơ sở sản xuất kinh doanh, Trung tâm Khuyến nông, hợp tác xã... nghề nhân làng nghề tham gia xây dựng chương trình, giáo trình, học liệu đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

5.4.2. Xây dựng chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã:

Hoạt động xây dựng chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã được áp dụng thống nhất theo chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã do Bộ Nội vụ ban hành.

5.5. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án:

Hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án được triển khai hàng năm từ Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án cấp thành phố đến cấp xã. Ngoài ra, còn có các đoàn kiểm tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Hội Giáo dục nghề nghiệp và nghề Công tác xã hội Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố... thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát các hoạt động của Đề án.

Hoạt động kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án còn được các cơ sở đào tạo tiến hành thường xuyên qua công tác quản lý đào tạo, thăm lớp, dự giờ, kiểm tra hồ sơ đào tạo, kiểm tra việc thực hiện các chính sách đối với người học sau học nghề.

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Kết quả thực hiện các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

1.1. Hoạt động 1: Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn:

- Các cơ quan báo chí thành phố, các văn phòng đại diện và phóng viên thường trú trên địa bàn đã tích cực thông tin tuyên truyền, xây dựng các chuyên đề, chuyên mục về đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho lao động nông thôn trên các ấn phẩm chính, các trang điện tử, trang thông tin; phổ biến các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Chính phủ, của thành phố về đào tạo nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn. Trung bình hàng năm, các cơ quan báo chí trên địa bàn thành phố đã tuyên truyền khoảng 2.000 tin bài, kịp thời truyền tải nội dung các chính sách hỗ trợ đào tạo, vay vốn giải quyết việc làm cho người nông dân trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; góp phần tạo ra xã hội học tập, bước đầu hình thành ý thức và thói quen của của nông dân trong việc dành ưu tiên cho học nghề, tạo việc làm phù hợp với xu thế phát triển bền vững của cộng đồng.

- Báo Hải Phòng, Báo Hải Phòng điện tử tăng cường tuyên truyền hàng ngày và trung bình 450 tin bài/năm về các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ đối với lao động nông thôn tham gia học nghề, để người dân hiểu rõ lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm để tích cực tham gia học nghề, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và ổn định cuộc sống; thông tin về thị trường lao động trên địa bàn thành phố, nhất là khu vực nông thôn, biểu dương các mô hình điển hình trong thực hiện Đề án. Báo Hải Phòng cũng đã thực hiện chuyên mục “Thấy và nghĩ” trên mỗi trang tuyên truyền, phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc, giải đáp tháo gỡ trong quá trình triển khai Đề án.

- Báo An ninh Hải Phòng đã có khoảng 320 tin, bài/năm được đăng tải trên báo in và báo điện tử <http://anhph.vn> về tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách liên quan đến lĩnh vực lao động và xã hội đối với nông dân nhằm đổi mới cơ bản nhận thức về đào tạo nghề trong toàn xã hội; chú trọng đặc biệt các hoạt động hướng nghiệp, giáo dục phổ thông với công tác hướng nghiệp nghề và khởi nghiệp, phân luồng học sinh phổ thông, coi đây là giải pháp quan trọng trong công tác đào tạo nghề.

- Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng đã tổ chức sản xuất và phát sóng hơn 1.000 phóng sự tuyên truyền, chương trình, tin, bài, chuyên đề, chuyên mục định kỳ về Đề án qua các chương trình: Giáo dục và Đào tạo, Nông thôn mới Hải Phòng, Xây dựng Đảng, An sinh xã hội, Kinh tế cuối tuần, Văn hóa xã hội, Yêu lao

động... trên cả hai hệ thống phát thanh và truyền hình và Trang Thông tin điện tử tổng hợp của Đài. Trong đó có nhiều chương trình, chuyên đề được thực hiện định kỳ hàng tuần, hàng tháng với hình thức phản ánh chuyên sâu, có chất lượng, hiệu quả tuyên truyền cao góp phần tạo sự chuyển biến về nhận thức đối với đào tạo nghề và nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố.

- Các Văn phòng đại diện các cơ quan báo chí Trung ương trên địa bàn thành phố như: Báo Kinh tế Nông thôn, Báo Nông thôn ngày nay, Báo Lao động, Báo Thanh niên, Báo Tuổi trẻ... xây dựng các chuyên đề, chuyên mục về đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho lao động nông thôn trên các ấn phẩm chính, các trang điện tử, trang thông tin; phổ biến các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Chính phủ về đào tạo nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn. Tạp chí Sinh hoạt chi bộ tập trung đi sâu phản ánh nội dung về nông nghiệp - nông dân - nông thôn, đặc biệt quan tâm tuyên truyền về nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong chuyên mục "Thực tiễn và kinh nghiệm". Tạp chí Khoa học và Kinh tế mở chuyên mục Khoa học và Đời sống, hàng tháng đều có 1-2 bài tập trung tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho nông dân.

- Cổng Thông tin điện tử thành phố duy trì thường xuyên chuyên mục "Đào tạo nghề", cập nhật các tin bài tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề, về vai trò, vị trí của đào tạo nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, nâng cao thu nhập để người lao động nông thôn biết và tích cực tham gia học nghề. Thông tin, tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về thị trường việc làm, nguồn nhân lực, điều kiện tự nhiên, xã hội thuận lợi của thành phố đến các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Hệ thống Đài Truyền thanh quận, huyện hàng năm cũng tuyên truyền được hơn 500 tin, bài về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại cơ sở. Thường xuyên phản ánh các hoạt động và phong trào toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới.

- Sở Thông tin và Truyền thông thường xuyên tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, các chính sách liên quan đến lĩnh vực lao động và xã hội đối với nông dân trên mạng Internet thông qua Cổng Tin tức thành phố, Fanpage Facebook chính thức của Sở, đồng thời thường xuyên theo dõi và xử lý nội dung liên quan đến công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án thành phố đã in, phát hành 6.000 tờ rơi, 300 đĩa CD tuyên truyền về các nội dung chính của Đề án nhằm tăng cường công tác tuyên truyền thực hiện Đề án; Ban Chỉ đạo cấp huyện, xã còn thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách của Đề án, tư vấn việc làm được thực hiện trên hệ thống loa truyền thanh của các địa phương; lồng ghép công tác biểu dương các mô hình nông dân sản xuất giỏi trong các nội dung sinh hoạt chuyên môn của các tổ chức đoàn thể các cấp (Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Làm vườn, Hội Người mù, Hội Sinh vật cảnh...trong đó các cấp Hội

Nông dân đã tổ chức tuyên truyền, tư vấn về học nghề 1.659 buổi, với tổng số lượt người tham gia là 176.590 lượt người; Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố tư vấn học nghề, việc làm cho 470.350 lượt chị em phụ nữ qua 2.252 buổi tại 14/15 quận, huyện; Thành Đoàn Hải Phòng tổ chức trên 150 đợt cao điểm tuyên truyền học nghề, việc làm trên các phương tiện thông tin đại chúng và trực tiếp tại các địa phương, trên 1.500 buổi thông qua hệ thống phát thanh các xã, thị trấn.

- Các cơ sở GDNN tuyên truyền các nội dung, chính sách của Đề án qua các tờ rơi, thông báo tuyển sinh đến từng Ủy ban nhân dân cấp xã, Nhà văn hóa các phường, xã, thị trấn, đồng thời xây dựng đội ngũ cộng tác viên là các trưởng thôn, cán bộ văn hóa, cán bộ dân số, cán bộ nông nghiệp... thực hiện công tác tuyên truyền chính sách về GDNN và tư vấn học nghề, việc làm. Ngoài ra, các cơ sở GDNN công lập quận, huyện phân công cán bộ theo dõi các địa bàn, kịp thời nắm bắt các thông tin về tuyển dụng lao động của các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp và nhu cầu học nghề của người lao động từ đó tham mưu đề xuất xây dựng kế hoạch tuyển sinh, đào tạo cho đơn vị.

- Tổ chức lồng ghép tuyên truyền các chính sách của Đề án qua các hội nghị tuyên truyền, hội nghị tập huấn cho cán bộ xã phụ trách về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, các hội, đoàn thể của huyện, xã.

1.2. Hoạt động 2: Điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn; định kỳ hàng năm rà soát, cập nhật, bổ sung, đánh giá, xác định nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Thực hiện hướng dẫn triển khai Đề án của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, năm 2010, thành phố đã chỉ đạo các huyện, quận tiến hành điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, làm cơ sở xây dựng Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố, Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn của các huyện, quận.

Định kỳ hàng năm các địa phương, cơ sở đào tạo rà soát danh mục nghề đào tạo cùng với rà soát nhu cầu học nghề của người lao động, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và yêu cầu của thị trường lao động nhằm phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đáp ứng nhiệm vụ tái cơ cấu ngành, lĩnh vực và giảm nghèo bền vững đi đôi với làm tốt công tác định hướng, tư vấn nghề để người lao động lựa chọn nghề phù hợp. Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn thành phố, trong đó xây dựng danh mục nghề đào tạo và mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo, quy định mức hỗ trợ đào tạo đối với từng nghề đào tạo, từng đối tượng học nghề.

1.3. Hoạt động 3: Thí điểm và nhân rộng các mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn:

Đối với nghề phi nông nghiệp: Các nghề đào tạo chủ yếu của các mô hình điển hình là May công nghiệp, Điện dân dụng, Kỹ thuật chế biến món ăn, Thêu ren

mỹ thuật, Nghiệp vụ du lịch khách sạn, Hàn điện, Vận hành xe nâng hàng, Vận hành cần trục, cầu trục, Vận hành máy nông nghiệp, Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện, Sửa chữa xe gắn máy... Sau khi khóa học kết thúc, tỷ lệ có việc làm đạt 100%; hầu hết đều được các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, hợp tác xã tiếp nhận tuyển dụng sau đào tạo bằng hình thức ký hợp đồng lao động; thu nhập trung bình đạt khoảng 5-6 triệu đồng/người/tháng; có học viên sau học nghề đã tự tạo việc làm như chị Ngô Thị Thanh Lối, xã Đại Hợp huyện Kiến Thụy, ngoài tạo thu nhập cho bản thân, chị còn tạo việc làm cho khoảng 13-15 lao động khác; chị Lê Thị Hồng Vân, xã Thủy Đường huyện Thủy Nguyên có nhà may tạo việc làm cho bản thân và 20-25 lao động khác, mô hình tổ dịch vụ nấu cỗ tại quận Hồng Bàng, huyện An Dương, anh Nguyễn Đình Tường lập Nhà máy quy mô nhỏ lọc và cung cấp nước sạch ở An Lão cung cấp cho bà con, tự tạo việc làm cho bản thân và một số người lao động khác...

Đối với các nghề nông nghiệp: Các nghề đào tạo chủ yếu của các mô hình điển hình là Chăn nuôi gà, lợn hữu cơ, Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi, Trồng rau hữu cơ, Trồng rau an toàn, Trồng rau màu công nghệ cao, Kỹ thuật trồng khoai tây, Trồng bầu, bí, dưa chuột, Trồng và nhân giống nấm, Chế biến và bảo quản thủy sản. Sau đào tạo, các học viên áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn sản xuất, góp phần đưa các loại giống mới, kỹ thuật mới mang lại năng suất, chất lượng cao hơn, tăng hiệu quả cho người sản xuất, tăng thu nhập và ổn định cuộc sống. Đối với các mô hình này, trong quá trình đào tạo, người học ngoài việc được dạy kỹ năng nghề còn được cung cấp các kiến thức về môi trường, các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm, quy trình an toàn sản xuất, cách thức sản xuất tiết kiệm các chi phí... Một số mô hình cá nhân học nghề, tạo việc làm hiệu quả như mô hình trồng nấm của anh Nguyễn Văn Lăng, xã Liên Am huyện Vĩnh Bảo, gia trại nuôi cá của anh Trịnh Văn Nam tại Phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh, trang trại nuôi gà của anh Đoàn Văn Tư, xã Hồng Phong huyện An Dương.

Ngoài các mô hình trên, quá trình triển khai thực hiện Đề án đã góp phần phát huy những nghề truyền thống như Dệt chiếu cói, Thêu ren mỹ thuật, Chạm khắc đá, Kỹ thuật sản xuất muối biển, Kỹ thuật sơn mài, Kỹ thuật điêu khắc gỗ... Năm 2011, từ ngân sách Trung ương hỗ trợ đã đào tạo 01 lớp Chế biến và bảo quản thủy sản, 02 lớp nghề Máy tàu cá cho 70 học viên vùng ven biển tại xã Đoàn Xá, xã Tú Sơn huyện Kiến Thụy góp phần hỗ trợ ngư dân đánh bắt hải sản và bám biển.

1.4. Hoạt động 4: Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề đối với các cơ sở dạy nghề công lập:

Thực hiện Đề án, có 12 cơ sở GDNN được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo với tổng kinh phí 59 tỷ đồng từ ngân sách trung ương, cụ thể:

Số trường trung cấp nghề được đầu tư: 02 trường, gồm: Trường trung cấp nghề Thủy Nguyên (nay là Trường Trung cấp Khu Kinh tế Hải Phòng), Trường trung cấp nghề An Dương (nay là Trung tâm GDNN-GDTX huyện An Dương).

Số Trung tâm Dạy nghề (nay là Trung tâm GDNN- GDTX) công lập quận, huyện được hỗ trợ đầu tư: 10 Trung tâm. Trong đó, Trung tâm GDNN- GDTX huyện Vĩnh Bảo được phê duyệt là Trung tâm Dạy nghề kiểu mẫu, được đầu tư 25 tỷ đồng, Trung tâm được Ủy ban nhân dân huyện giao 9.988 m² đất để phát triển mở rộng.

Ngoài ra, từ nguồn vốn ngân sách do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam phê duyệt, Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân thành phố được đầu tư 45 tỷ đồng xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và đưa vào hoạt động từ tháng 3/2017 với diện tích 8.449m². Các công trình gồm khu hành chính, khu thực hành (nhà xưởng, khu trồng trọt công nghệ cao, chăn nuôi hữu cơ), khu ký túc xá cho học viên... và thiết bị đào tạo các nghề Nấu ăn, may công nghiệp, Tin học, Điện dân dụng, Cơ khí, Chăn nuôi, Trồng trọt... đảm bảo yêu cầu đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động nông thôn.

1.5. Hoạt động 5: Phát triển chương trình, giáo trình, học liệu và xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề:

Đến nay có 220 lượt chương trình đào tạo nghề phi nông nghiệp, nông nghiệp được các cơ sở đào tạo xây dựng, chỉnh sửa, biên soạn, phê duyệt. Trong đó, số chương trình đào tạo nghề nông nghiệp là 72 nghề, nghề phi nông nghiệp là 148 nghề. Các cơ sở đào tạo đều tiến hành chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo trình độ sơ cấp đảm bảo quy định tại Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong đó sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH quy định về đào tạo trình độ sơ cấp.

Các chương trình, giáo trình được xây dựng, chỉnh sửa đảm bảo quy định và cơ bản phù hợp với điều kiện, yêu cầu cụ thể của doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và nhu cầu của người học; thường xuyên cập nhật kỹ thuật, công nghệ mới. Thực hiện lồng ghép các vấn đề về giới, môi trường, văn hóa xã hội, kiến thức kinh doanh và khởi sự doanh nghiệp trong nội dung chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

1.6. Hoạt động 6: Phát triển giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề/giáo dục nghề nghiệp:

Đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN tại cơ sở GDNN: Số giảng viên, giáo viên, người dạy nghề được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy nghề, kỹ năng dạy học, đào tạo kỹ năng thực hành nghề, nghiệp vụ triển khai thực hiện Đề án... trong giai đoạn 2010-2020 là 3.605 lượt người.

Đối với cán bộ quản lý nhà nước về dạy nghề/GDNN: 100% Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các quận, huyện có cán bộ thực hiện nhiệm vụ giáo dục nghề nghiệp tuy nhiên hầu hết là kiêm nhiệm; đã có 02 đơn vị là: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Vĩnh Bảo, huyện Thủy Nguyên được bố trí cán bộ chuyên trách về GDNN.

Nhằm nâng cao hiệu quả của công tác đào tạo nghề trên địa bàn thành phố, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức tập huấn cho khoảng hơn 330 lượt cán bộ quản lý GDNN làm công tác kiêm nhiệm tại Phòng Lao động - thương binh và Xã hội các quận, huyện. Nội dung Hội nghị tập huấn bao gồm các kỹ năng, nghiệp vụ quản lý, kiểm tra, giám sát tổ chức đào tạo nghề, tổ chức thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Hải Phòng đến năm 2020”, các chính sách hỗ trợ cho người học, công tác tuyên truyền, tuyển sinh, hướng nghiệp, giải quyết việc làm sau khi hoàn thành khóa học...

1.7. Hoạt động 7: Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề:

- Từ năm 2010 đến năm 2020 đào tạo nghề cho 263.500 lao động nông thôn, trong đó: 223.961 lao động nông thôn được đào tạo theo hình thức xã hội hóa và 39.539 lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo từ các chương trình, dự án của Trung ương và thành phố, cụ thể:

- + 27.817 lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo từ ngân sách thành phố;
- + 2.620 lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo từ ngân sách trung ương;
- + 2.550 lao động nông thôn được hỗ trợ theo chính sách của Đề án Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010-2015;
- + 5.065 lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo nghề và nâng cao tay nghề theo chính sách của Chương trình Khuyến công quốc gia với kinh phí 6.228,63 triệu đồng;

+ 1.487 thanh niên nông thôn được hỗ trợ học nghề theo chính sách của Đề án Hỗ trợ thanh niên học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2008-2015.

Cụ thể:

- Giai đoạn 2010-2015: Đào tạo nghề cho 143.500 lao động nông thôn, đạt 100% kế hoạch theo Quyết định số 1342/QĐ-UBND, trong đó hỗ trợ đào tạo cho 25.776 người, đạt 119% kế hoạch tại Quyết định số 1342/QĐ-UBND (*mục tiêu tại Quyết định số 1342/QĐ-UBND là 21.500 lao động nông thôn được hỗ trợ, trong đó: 16.500 người được hỗ trợ đào tạo từ ngân sách thành phố, 5.000 người được hỗ trợ đào tạo theo hình thức đặt hàng từ ngân sách Trung ương*).

- Giai đoạn 2016-2020: Đào tạo nghề cho 120.000 lao động nông thôn, đạt 100% kế hoạch theo Quyết định số 1342/QĐ-UBND. Trong đó, hỗ trợ đào tạo cho 13.763 người, đạt 98,3% kế hoạch tại Quyết định số 1342/QĐ-UBND, Quyết định số 2172/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1342/QĐ-UBND (*Theo Kế hoạch tại Quyết định số 2172/QĐ-UBND, giai đoạn 2016-2020 hỗ trợ đào tạo cho 14.000 người*).

Như vậy, từ năm 2010-2020 trong tổng số 263.500 lao động nông thôn được đào tạo, có 39.539 lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo, đạt 111,4% so với mục tiêu 35.500 người được hỗ trợ tại Quyết định số 1342/QĐ-UBND, Quyết định số

2172/QĐ-UBND. Trong đó 27.817 người được hỗ trợ từ chính sách của Quyết định số 1342/QĐ-UBND, 11.722 người được hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và các chính sách khác của thành phố.

1.8 Hoạt động 8: Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án:

Đã có 328 đoàn kiểm tra, giám sát các hoạt động của Đề án, trong đó, giai đoạn 2010-2015 là 228 đoàn, giai đoạn 2016-2019 là 100 đoàn. Năm 2020, dự kiến có 30 đoàn kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án cấp thành phố và cấp huyện.

Đã tổ chức kiểm tra, giám sát tại 276 lượt cơ sở tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn và tại 596 điểm tổ chức các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn và mô hình học nghề, mô hình sản xuất kinh doanh; 68 đoàn trực tiếp làm việc với Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án cấp huyện; 47 cuộc làm việc với Ban Chỉ đạo/Tổ công tác thực hiện Đề án các xã; thực hiện kiểm tra, giám sát đối tượng học viên lao động nông thôn tham gia học nghề theo chính sách Đề án qua Hệ thống thông tin Quản lý Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố và Quy chế khai thác, quản lý, sử dụng phần mềm Quản lý Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Hải Phòng.

Ngoài ra tại các huyện, quận, hoạt động kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án còn được lồng ghép trong kiểm tra, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm An toàn lao động, Chương trình giảm nghèo...

2. Kết quả thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã:

2.1. Hoạt động 1: Xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng:

Căn cứ đối tượng người học tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Sở Nội vụ đã sớm chủ động xây dựng Kế hoạch và tổ chức khảo sát về thực trạng số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã (trước khi Bộ Nội vụ ban hành Công văn số 2026/BNV-ĐT ngày 24/6/2010 hướng dẫn triển khai); thường xuyên cập nhật số liệu biến động trong cán bộ, công chức (luân chuyển, điều động; bổ nhiệm, tuyển dụng ...), làm căn cứ xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng.

Sở Nội vụ phối hợp với Trung tâm Giáo dục thường xuyên Hải Phòng tổ chức Hội thảo với Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố về công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức cấp xã. Qua cuộc Hội thảo đã lắng nghe ý kiến phát biểu của cơ sở về những nội dung, chương trình cần được đào tạo, bồi dưỡng; phương pháp đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với đối tượng cán bộ, công chức (vừa đảm đương tốt nhiệm vụ chuyên môn được giao, vừa tham gia và hoàn thành có chất lượng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng).

Hàng năm, Sở Nội vụ trực tiếp làm việc với Ủy ban nhân dân các quận, huyện, nghe báo cáo về tình hình đội ngũ cán bộ, công chức; về Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, trong đó có việc đào tạo đối với cán bộ, công chức có trình độ sơ cấp

hoặc chưa qua đào tạo nhằm sớm chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với số cán bộ này.

2.2. Hoạt động 2: Xây dựng chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng:

Lần đầu tiên các địa phương có một hệ thống các chương trình, tài liệu bồi dưỡng các chức danh cán bộ, công chức cấp xã được các bộ, ngành Trung ương biên soạn, thẩm định và phê duyệt bộ chương trình tài liệu bồi dưỡng cho các chức danh cán bộ, công chức cấp xã được xây dựng công phu và có sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Nội vụ với các Bộ chuyên ngành, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở trung ương và địa phương; đã đảm bảo tính khoa học, tính chính xác về nội dung, tính cân đối giữa nội dung chương trình tài liệu với thời lượng khóa bồi dưỡng, tính cân đối của các chuyên đề trong chương trình phù hợp với mục tiêu bồi dưỡng, nhu cầu và yêu cầu công việc của cán bộ, công chức xã.

2.3. Hoạt động 3: Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên:

Xác định vai trò của việc xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên nguồn của thành phố, đáp ứng nội dung chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy mới là yêu cầu hết sức cần thiết nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở; do vậy, Sở Nội vụ đã quan tâm đến công tác tạo nguồn, phát triển đội ngũ giảng viên:

- Sở Nội vụ đã phối hợp với dự án ADB, Bộ Nội vụ tổ chức 02 lớp giảng dạy tích cực cho đội ngũ giảng viên của Trường chính trị Tô Hiệu, Trường Đại học Hải Phòng, các cơ sở đào tạo liên quan trực tiếp đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức cơ sở và một số Sở, ngành liên quan;

- Đầu năm 2012, Sở Nội vụ đã chủ trì họp với các cơ quan, đơn vị liên quan, chủ động chuẩn bị phân công giảng viên nguồn (gồm giảng viên của Trường Chính trị Tô Hiệu, Trường Đại học Hải Phòng, Trường Cao đẳng Cộng đồng, Trường quân sự thành phố, Trung tâm Thông tin tin học thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; cán bộ phòng nghiệp vụ thuộc Công an thành phố, Sở Tư pháp...) phục vụ công tác bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Triệu tập 26 giảng viên nguồn tham gia đầy đủ tất cả các lớp tập huấn giảng viên nguồn bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg; trong các đợt tập huấn, Sở Nội vụ đều cử lãnh đạo Sở hoặc lãnh đạo Phòng chuyên môn tham dự để theo dõi, nắm bắt được đầy đủ nội dung chương trình và tiếp nhận bộ tài liệu nhằm tạo thuận lợi cho việc triển khai các lớp bồi dưỡng tại thành phố.

2.4. Hoạt động 4: Xây dựng chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng:

Chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã được thực hiện theo quy định hiện hành, thành phố không có cơ chế, chính sách riêng thực hiện hoạt động này.

2.5. Hoạt động 5: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã:

- Năm 2010: Chưa triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức xã theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ do các Bộ, Ngành Trung ương chưa có hướng dẫn cụ thể; tuy nhiên thành phố đã tổ chức một số lớp bồi dưỡng cho 650 lượt cán bộ, công chức cấp xã.

- Giai đoạn 2011 - 2015

Đào tạo, bồi dưỡng cho 2.735 lượt cán bộ, công chức cấp xã theo đúng chương trình khung do Bộ Nội vụ ban giao bồi dưỡng nhằm nâng cao kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội theo chức danh, vị trí làm việc đáp ứng yêu cầu của công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và thực thi công vụ cán bộ, công chức cấp xã.

- Giai đoạn 2016-2019:

Sở Nội vụ đã tổ chức 12 lớp bồi dưỡng cho 2.220 lượt cán bộ công chức cấp xã nhằm hoàn thành toàn bộ chương trình bồi dưỡng cho tất cả các chức danh cán bộ, công chức cấp xã theo chương trình khung do Bộ Nội vụ ban giao trong giai đoạn 2010-2015 (kiến thức, kỹ năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội tại cơ sở; nội dung, phương pháp, cách làm, kỹ năng xây dựng nông thôn mới; bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ công tác đoàn thể...)

3. Đánh giá:

3.1. Các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

3.1.1. Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn:

- Thuận lợi: Được sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị các cấp, các ngành, nên công tác tuyên truyền, vận động, truyền thông về đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến được với mọi người dân. Những năm đầu triển khai Đề án (2010-2014) hoạt động tuyên truyền về chính sách của Đề án cùng với hoạt động khảo sát nhu cầu học nghề của lao động nông thôn được quan tâm, mật độ và thời lượng tuyên truyền thường xuyên, liên tục, tỷ lệ người lao động nắm bắt được các chính sách của Đề án cao. Nhận thức của người dân về học nghề có sự chuyển biến căn bản, đã xác định học để có kiến thức, kỹ năng tìm được việc làm có thu nhập cao, chuyển đổi nghề, học nghề để nắm bắt khoa học kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp, có năng suất thu nhập cao hơn góp phần giảm nghèo bền vững, ổn định an sinh xã hội.

- Khó khăn, vướng mắc, bất cập, tồn tại: Từ năm 2014 trở lại đây hoạt động tuyên truyền và tư vấn tuyển sinh, học nghề, việc làm không tạo được đột phá; hoạt động tuyên truyền chưa thường xuyên, mang tính hình thức, thời lượng ít. Nhiều cơ sở GDDN tuyển sinh, tổ chức đào tạo song chưa chú trọng đến công tác tuyên truyền, hướng nghiệp cho học viên sau đào tạo nghề để người dân được tiếp cận với các chính sách về vay vốn, thông tin thị trường sản phẩm, quy hoạch sản xuất, xuất khẩu lao động, thị trường lao động... trên địa bàn. Kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền hạn chế.

3.1.2. Điều tra, khảo sát, phê duyệt danh mục đào tạo nghề nghiệp, phê duyệt định mức chi phí đào tạo nghề nghiệp:

- Thuận lợi: Được sự chỉ đạo sát sao của Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án các cấp, sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị, công tác điều tra, khảo sát được thực hiện trên địa bàn các xã, phường, thị trấn. Danh mục đào tạo nghề hàng năm được rà soát bổ sung theo nhu cầu của địa phương, cắt bỏ những ngành, nghề không còn phù hợp và địa phương không còn nhu cầu. Việc phê duyệt mức hỗ trợ đào tạo cũng được rà soát, điều chỉnh kịp thời theo sự biến động của giá thị trường cũng như theo sự thay đổi của danh mục ngành, nghề đào tạo.

- Khó khăn, vướng mắc, tồn tại bất cập: Việc điều tra, khảo sát tuy có thực hiện theo đúng quy định và có sự vào cuộc của toàn hệ thống chính trị. Tuy nhiên, kết quả điều tra, khảo sát đối với người dân chỉ mang tính chủ quan của người dân tại thời điểm khảo sát, vì bản thân người dân đăng ký nhu cầu đào tạo cũng chưa thực sự xuất phát từ nhu cầu thực mà chỉ dựa vào khoản kinh phí hỗ trợ cho người học hoặc là học để biết chứ chưa xác định học để làm nghề và để thoát nghèo.

- Nguyên nhân: Chủ yếu là do một bộ phận người dân ở khu vực nông thôn còn bảo thủ, lạc hậu; bản thân người dân không dám thay đổi để áp dụng các kiến thức khoa học vào sản xuất, chăn nuôi. Mức hỗ trợ đào tạo còn thấp, hiện chỉ đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo cơ bản; sau khi kết thúc khóa học, người học chỉ có thể làm được những công việc đơn giản hoặc một phần công việc phổ thông.

3.1.3. Việc xây dựng mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

- Thuận lợi: Hải Phòng là 1 trong 11 tỉnh, thành phố thực hiện thí điểm tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo chính sách của Đề án, do vậy thời gian đầu thực hiện Đề án được tập trung nguồn lực để thực hiện thí điểm một số mô hình và đã được nhân rộng. Ngoài ra, Hải Phòng là thành phố thu hút được nhiều các nhà đầu tư lớn để với đa dạng ngành nghề đòi hỏi nhu cầu nhân lực qua đào tạo lớn... tạo điều kiện cho việc xây dựng mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn như nghề May công nghiệp, May thời trang, Kỹ thuật chế biến món ăn, Kỹ thuật chăn nuôi gà, lợn hữu cơ, Kỹ thuật trồng cây vụ đông...

- Khó khăn, vướng mắc, tồn tại bất cập: Chưa xây dựng được nhiều mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn; chưa nhân rộng để xây dựng đội ngũ lao động lớn qua đào tạo đáp ứng cho doanh nghiệp hoặc cung cấp dịch vụ... Việc làm sau khi học nghề chưa thực sự bền vững.

- Nguyên nhân: Kinh phí chưa được bố trí để xây dựng mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại địa bàn thành phố. Sau khi tốt nghiệp khóa học, người học tổ chức sản xuất nông nghiệp mang tính chất nhỏ lẻ, chưa có doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm; đối tượng được tuyển dụng lại bị hạn chế về độ tuổi.

3.1.4. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo đối với các cơ sở đào tạo nghề công lập:

- Thuận lợi: Việc đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nghề được thực hiện đúng quy định; khai thác, quản lý sử dụng nhà xưởng, thiết bị theo đúng mục đích đầu tư, góp phần nâng cao năng lực cho các cơ sở GDNN, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Cùng với quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo được đầu tư để đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo chính sách Đề án, các trung tâm GDNN-GDTX còn sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo để đào tạo nghề hướng nghiệp cho học sinh phổ thông, đào tạo nghề theo hình thức xã hội hóa, thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ khác theo quy định góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả GDNN.

- Khó khăn, vướng mắc, tồn tại bất cập: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của các cơ sở được đầu tư ở giai đoạn đầu của Đề án nay đã lạc hậu, không còn đáp ứng được nhu cầu đào tạo của đơn vị và yêu cầu của thị trường lao động. Tại nhiều cơ sở GDNN, thiết bị đào tạo chỉ đảm bảo đào tạo đáp ứng năng lực thực hiện một hoặc một vài công việc đơn giản của một nghề cho người học.

- Nguyên nhân: Giai đoạn từ năm 2014 đến năm nay, các Trung tâm GDNN, Trung tâm GDNN-GDTX các quận, huyện không được đầu tư mới về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo chính sách Đề án.

3.1.5. Phát triển xây dựng chương trình, giáo trình:

- Thuận lợi: Trên cơ sở quy định về xây dựng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, mỗi cơ sở GDNN đều tự xây dựng chương trình đào tạo cho cơ sở của mình, phù hợp với điều kiện, đặc điểm kinh tế xã hội của địa phương cũng như nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, đảm bảo tối thiểu 75% thời lượng cho thực hành, cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng, năng lực thực hiện nghề, làm nghề sau khi học. Chương trình, giáo trình đào tạo, tài liệu giảng dạy cho lao động nông thôn đã được thiết kế chú trọng đến hình thành năng lực thực hiện trọn vẹn một hoặc một số công việc của nghề, đảm bảo cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng thực hành nghề và cung cấp các kỹ năng mềm (pháp luật lao động, an toàn lao động, kỹ năng làm việc theo tổ, nhóm, kiến thức kinh doanh và khởi sự doanh nghiệp) cho người học. Những năm đầu thực hiện Đề án, một số cơ sở được hỗ trợ kinh phí phát triển chương trình đào tạo từ các lớp mô hình thí điểm của Tổng cục GDNN.

- Khó khăn, vướng mắc, tồn tại bất cập: Chất lượng của chương trình, giáo trình đào tạo của các Trung tâm GDNN - GDTX còn nhiều hạn chế; ít được cập nhật, chỉnh sửa cho phù hợp với thực tiễn; một số chương trình, giáo trình được thiết kế chưa hình thành theo hướng mô đun dẫn đến hạn chế việc ứng dụng dạy tích hợp, chưa đảm bảo mục tiêu dễ học, dễ nhớ, hiệu quả học chưa cao; chưa huy động được nhiều các nhà khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh, nông dân sản xuất giỏi tham gia xây dựng chương trình, giáo trình, học liệu đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Nguyên nhân: Trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của giáo viên tại các Trung tâm GDNN - GDTX công lập trong việc xây dựng, biên soạn chương trình đào tạo còn hạn chế; Kinh phí phục vụ hoạt động phát triển chương trình, bài giảng đào tạo không được bố trí; chủ yếu đều do các cơ sở đào tạo tự chi trả.

3.1.6. Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý GDNN:

- Thuận lợi: Công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ, cán bộ quản lý GDNN được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đặc biệt quan tâm do đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý có tác động trực tiếp đến chất lượng đào tạo. Ngoài ra, các cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố cơ bản đều chủ động trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo GDNN. Đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề trọng điểm được Trung ương và thành phố quan tâm cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước từ nguồn ngân sách, đảm bảo đào tạo cho sinh viên ở một số nghề trọng điểm thành lao động có tay nghề cao sau khi tốt nghiệp. Riêng đối với giáo viên tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo chính sách Đề án, từ năm 2012 đến nay đã huy động được lực lượng lớn cán bộ doanh nghiệp ngành May, ngành Cơ khí - chế tạo, ngành Điện - Điện tử... tham gia cùng đào tạo ngay tại địa phương, tạo điều kiện cho học viên lao động nông thôn được đào tạo tại chỗ.

- Khó khăn, vướng mắc, bất cập, tồn tại: Số lượng, chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý GDNN của các cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố còn hạn chế; nhất là đội ngũ giáo viên của các Trung tâm GDNN-GDTX các quận, huyện. Người dạy nghề là kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân, nông dân có tay nghề giỏi, đặc biệt là thợ lành nghề đối với những nghề thủ công mỹ nghệ, nghề truyền thống của địa phương như Dệt chiếu cói, Kỹ thuật sơn mài, Kỹ thuật điêu khắc gỗ, Mây tre đan, Thêu ren mỹ thuật, Chạm khắc đá có kiến thức, kỹ năng thực tế, vững vàng về tay nghề nhưng hạn chế về kỹ năng dạy học nên gặp khó khăn trong việc truyền đạt, hướng dẫn; việc bố trí giáo viên tham gia các khóa đào tạo nghề cho lao động nông thôn chủ yếu là giáo viên thỉnh giảng nên các Trung tâm GDNN-GDTX thuộc các quận, huyện khó chủ động dẫn đến chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề chưa cao. Cán bộ theo dõi GDNN ở Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các quận, huyện, các xã còn thiếu và kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực nên hiệu quả quản lý GDNN chưa cao, khó khăn trong việc giám sát các hoạt động đào tạo của các cơ sở đào tạo, chưa lập sổ theo dõi, thống kê số lượng người học, việc làm của lao động nông thôn sau học nghề; chế độ thông tin, báo cáo chưa được thực hiện định kỳ.

- Nguyên nhân: Trung tâm GDNN-GDTX các quận, huyện chưa được bố trí đủ giáo viên cơ hữu theo quy định; chưa nhiều nhà giáo được đào tạo, bồi dưỡng để được cấp chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề theo quy định. Kinh phí đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng dạy học cho người dạy nghề chưa được bố trí hàng năm theo đúng yêu cầu của Đề án; chưa tổ chức được Khóa đào tạo chuẩn hóa kỹ năng thực hành nghề cho nhà giáo đào tạo nghề trình độ sơ cấp và người dạy nghề; chưa tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa nghiệp vụ quản lý GDNN cho cán bộ quản lý GDNN các cấp.

3.1.7. Triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

- Thuận lợi: Qua 10 năm triển khai thực hiện, Đề án được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thành uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân thành phố, sự chỉ đạo và triển khai thực hiện có trách nhiệm của Ban Chỉ đạo các cấp, sự hưởng ứng, vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành; đã thu hút được nhiều nguồn lực tham gia hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Thực hiện chế độ hỗ trợ đào tạo nghề, chế độ cho người học nghề đảm bảo đầy đủ, đúng chế độ, đúng quy định. Công tác quản lý, giám sát việc sử dụng ngân sách về đào tạo nghề được kiểm soát chặt chẽ, thực hiện thanh quyết toán đúng quy định. Các hoạt động của Đề án được triển khai đồng bộ từ hoạt động tuyên truyền, khảo sát đến nâng cao năng lực đào tạo, hỗ trợ việc làm sau đào tạo cũng như giám sát, đánh giá. Do vậy đã cơ bản hoàn thành được mục tiêu của Đề án.

Một số nghề truyền thống đã được duy trì, phát huy như: Kỹ thuật sơn mài, Kỹ thuật điêu khắc gỗ, Dệt chiếu cói, Mây tre đan, Thêu ren mỹ thuật, Chạm khắc đá... Đã hình thành một số mô hình có hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường, phù hợp với nhiều địa phương và đang được triển khai nhân rộng, đã có sự gắn kết hơn giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, giữa đào tạo nghề với việc làm sau đào tạo. Một số mô hình thí điểm như đào tạo nghề ứng phó với biến đổi khí hậu, đào tạo nghề phục vụ đánh bắt xa bờ góp phần nâng cao nhận thức của người dân về biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, chủ quyền biển đảo và tăng giá trị sản xuất; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức xã, góp phần phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Khó khăn, vướng mắc, tồn tại bất cập: Ngành, nghề đào tạo chùng chẻo, chưa có nhiều nghề mới thu hút người học cũng như đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động. Việc vận động người dân đăng ký và tham gia học nghề; hỗ trợ tìm kiếm việc làm, hướng dẫn vay vốn tín dụng sau đào tạo và hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm còn chưa được quan tâm đúng mức trong khi đa số người lao động chỉ muốn đi làm những công việc phổ thông, giản đơn để có thu nhập nhanh do vậy khó khăn trong việc tuyên truyền vận động người dân trong độ tuổi lao động tham gia các khóa đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Thời gian đào tạo đối với một số nghề chưa phù hợp, kinh phí hỗ trợ đào tạo thấp, người học không có nhiều điều kiện thực tập tay nghề, lượng kiến thức được trang bị ít, không đảm bảo để người lao động đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật ở một số doanh nghiệp cũng như một số lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao nên tỷ lệ việc làm tuy cao, nhưng không bền vững. Đối với nhóm nghề phi nông nghiệp, có một số lao động sau khi học nghề được tuyển dụng vào các doanh nghiệp, các khu công nghiệp song chỉ đáp ứng được những công việc đơn giản, thu nhập thấp, không đảm bảo được cuộc sống dẫn đến việc tự ý thôi việc. Đối với nhóm nghề nông nghiệp, chủ yếu là tự tạo việc làm nhưng khi áp dụng kiến thức, ứng dụng khoa học vào thực tiễn thì gặp khó khăn gây chán nản, bỏ cuộc giữa chừng.

Một số cơ sở GDNN tư vấn học nghề đối với những nghề mà họ có năng lực đào tạo, chưa chú ý đến việc đào tạo những nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp dẫn đến tỷ lệ tuyển dụng chưa cao, ảnh hưởng đến mục tiêu chuyển đổi tỷ lệ cơ cấu lao động tại một số địa phương. Tại Trung tâm GDNN - GDTX các quận, huyện, nghề đào tạo chưa theo kịp xu hướng phát triển của thị trường lao động, chưa mở ra nhiều cơ hội để giải quyết việc làm; điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo nghề còn hạn chế. Do đặc thù trong việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn, các cơ sở đào tạo phải tổ chức đào tạo ngay tại địa bàn các thôn, xã, tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất... nên gặp khó khăn về vận chuyển thiết bị, ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng thiết bị đồng thời tăng chi phí tổ chức đào tạo, khó khăn khi bố trí giáo viên giảng dạy, ngoài ra, thời điểm mở lớp chủ yếu từ tháng 6, 7 đến tháng 10, 11, có thời điểm trùng lịch sản xuất, thu hoạch mùa vụ, phun thuốc trừ sâu... của bà con nên việc duy trì sĩ số theo học còn khó khăn. Một số nghề yêu cầu kỹ thuật cao như Thuyền trưởng tàu cá hạng tư, Máy trưởng tàu cá hạng tư, Quản lý trang trại tuy người lao động có nhu cầu học nhưng hầu hết cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố chưa đảm bảo điều kiện giảng dạy.

Đối tượng tham gia cùng trong một lớp học đa dạng, một số lớp học có sự tham gia của người khuyết tật hoặc người lớn tuổi nên không có sự đồng đều về nhận thức dẫn đến việc ảnh hưởng đến quá trình và chất lượng đào tạo. Nhu cầu học nghề của người học thay đổi nên sau khi các cơ sở GDNN rà soát, đăng ký để được hỗ trợ và đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ nhưng vẫn làm văn bản xin thay đổi địa điểm đào tạo, thay đổi nghề đào tạo hoặc số lượng tuyển sinh không đủ chỉ tiêu giao. Nhiều người học sau khi nắm được những kỹ năng cơ bản, có năng lực thực hiện công việc của một nghề là bỏ học giữa chừng để đi làm, không theo học hết khóa học.

Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp trong hoạt động GDNN đã được quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp song các doanh nghiệp vẫn chưa tích cực tham gia vào công tác đào tạo nghề, đặc biệt là việc cung cấp thông tin về nhu cầu đào tạo, sử dụng lao động của doanh nghiệp theo ngành, nghề về cơ quan quản lý nhà nước về GDNN và tiếp nhận, đào tạo nâng cao tay nghề nhằm tạo việc làm ổn định cho lao động nông thôn. Sự gắn kết giữa cơ sở GDNN và doanh nghiệp trên địa bàn thành phố chưa chặt chẽ, trong thực tế, nhiều doanh nghiệp phát triển mở rộng hoạt động nhưng hầu như chỉ tuyển lao động phổ thông và tự đào tạo kỹ năng cụ thể theo yêu cầu vị trí công việc, do đó công tác tuyển sinh đào tạo của các cơ sở GDNN gặp nhiều khó khăn.

- Nguyên nhân: Quy hoạch mạng lưới các cơ sở GDNN thành phố Hải Phòng chưa hoàn thiện. Chất lượng đào tạo nghề còn nhiều hạn chế, nhất là việc hình thành kỹ năng nghề cho người học; chưa có nhiều mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn thực sự tiêu biểu và có tính nhân rộng, đặc biệt là mô hình dạy nghề nông nghiệp. Vấn đề hỗ trợ việc làm sau đào tạo còn nhiều địa phương chưa thực sự bài bản, chưa có tính bền vững, chủ yếu vẫn là tự tạo việc làm và áp dụng kiến thức để nâng cao hiệu quả sản xuất; thông tin thị trường lao động, việc làm chưa đầy đủ và

kịp thời nên người lao động còn lúng túng trong việc lựa chọn nghề, tìm kiếm việc làm sau khi học nghề.

Nhiều lao động nông thôn, nhất là lao động ở khu vực xa trung tâm, huyện đảo, chưa nhận thức đúng về lợi ích của học nghề nên chưa tham gia học nghề. Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn do thành phố tự cân đối còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhiều nhu cầu học nghề của lao động nông thôn; kinh phí giám sát thực hiện Đề án hàng năm được bố trí không nhiều.

Những chính sách hỗ trợ sau đào tạo cho học viên như vay vốn, tạo điều kiện về đất, mặt bằng để phát triển sản xuất, thông tin thị trường cung cấp vật tư, thị trường tiêu thụ sản phẩm, thị trường lao động... chưa được quan tâm đúng mức ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả đào tạo và mục tiêu đảm bảo tỷ lệ có việc làm của Đề án.

3.1.8. Việc kiểm tra, giám sát và chế độ báo cáo:

- Thuận lợi: Công tác kiểm tra, giám sát được xác định là một trong những hoạt động quan trọng, được tổ chức thường xuyên nhằm phát hiện, điều chỉnh kịp thời những sai sót trong quá trình tư vấn tuyển sinh, đào tạo, sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo được đầu tư, việc quản lý, sử dụng hồ sơ sổ sách, biểu mẫu đào tạo, việc thực hiện các quy định trong đào tạo tại các cơ sở GDNN. Định kỳ hàng năm, Sở đều thực hiện kiểm tra thực hiện pháp luật về GDNN tại các cơ sở GDNN; riêng đối với hoạt động giám sát thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo chính sách Đề án, Ban Chỉ đạo Đề án thành phố tổ chức đoàn liên ngành thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất việc tổ chức hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn; kiểm tra, giám sát việc quản lý, hiệu quả, mức độ sử dụng thiết bị đào tạo đã được đầu tư đối với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Qua kết quả kiểm tra, giám sát đã kịp thời điều chỉnh, khắc phục những sai sót của các cá nhân, tổ chức tham gia trong quá trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Khó khăn, vướng mắc, tồn tại bất cập, nguyên nhân: Tần suất kiểm tra, giám sát của các Phòng chức năng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã còn ít; việc huy động sự tham gia giám sát của các cấp, các ngành và người dân đối với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn vẫn còn nhiều hạn chế; các địa phương báo cáo còn chậm, nội dung, số liệu báo cáo chưa đầy đủ; hầu như các địa phương chưa thực hiện thường xuyên công tác theo dõi hiệu quả sau đào tạo, tại cấp xã chưa làm tốt công tác thống kê số lượng người học dẫn đến một số xã xác nhận người học nghề đã từng tham gia hỗ trợ đào tạo nghề theo chính sách Đề án các năm trước đó hoặc đã học từ các chương trình, dự án khác từ nguồn ngân sách Nhà nước.

Việc thống kê các chỉ tiêu giám sát, đánh giá thực hiện các hoạt động của Đề án theo Quyết định số 736/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/5/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội khó tổng hợp, tính thực tiễn không cao, cụ thể các chỉ tiêu: Số người được vay vốn hỗ trợ sản xuất sau học nghề (phân theo các nguồn: Ngân hàng Chính sách - Xã hội, Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm, Ngân hàng Nông

ng nghiệp, Ngân hàng thương mại,...), số liệu này chủ yếu tổng hợp theo sổ ngân sách được giải ngân hàng năm cho người lao động, không phân biệt có học nghề hay không; số hộ gia đình có người tham gia học nghề được thoát nghèo; số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ có thu nhập khá... đòi hỏi phải có con người và kinh phí thực hiện riêng.

3.1.9. Tác động của Đề án đối với việc tạo việc làm và định hướng nghề nghiệp cho người lao động; cung cấp nguồn nhân lực theo yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp và Chương trình xây dựng nông thôn mới của các địa phương trên địa bàn thành phố:

Việc tổ chức các lớp đào tạo xuất phát từ nhu cầu người học, yêu cầu về chuyển dịch cơ cấu lao động, nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp trên địa bàn, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quan tâm đến yếu tố vùng miền đã tập trung đào tạo nguồn nhân lực ở nông thôn, chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn. Một bộ phận lao động nông nghiệp đã đủ trình độ, năng lực vào làm việc ở các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp, dịch vụ và chuyển nghề. Nhận thức của người dân về học nghề đã có chuyển biến căn bản, từ chỗ tham gia học nghề để cho biết, học để được hỗ trợ tiền ăn chuyển sang học nghề để nắm bắt khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất, để có kiến thức, kỹ năng chuyển nghề, tìm được việc làm mới có thu nhập cao, làm giàu và giảm nghèo bền vững.

Đối với nghề phi nông nghiệp: Giai đoạn 2010-2019 đã tập trung đào tạo các nghề trong lĩnh vực công nghiệp, kỹ thuật công nghệ, xây dựng, dịch vụ để phát triển công nghiệp phụ trợ, đào tạo theo vị trí làm việc tại doanh nghiệp, làng nghề; đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động.

Đối với nghề nông nghiệp: Đã tập trung đào tạo các nghề về kỹ thuật và quản lý sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến thủy sản và các nghề để thực hiện các chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Đào tạo nghề, tạo việc làm được gắn kết chặt chẽ với Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới. Các chỉ tiêu giải quyết việc làm, đào tạo nghề trên địa bàn thành phố đều đạt mục tiêu kế hoạch đề ra. Cụ thể: Tiêu chí số 14.3 “Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, đối với khu vực Đồng bằng Sông Hồng là lớn hơn hoặc bằng 45%. Tại thành phố Hải Phòng, tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt lớn hơn hoặc bằng 45% vào năm 2016; năm 2018, đạt 80% và năm 2019 đạt 82,5%.

3.2. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã:

3.2.1. Thuận lợi:

Quyết định số 1956/QĐ-TTg là một chủ trương lớn của Chính phủ, được triển khai trên phạm vi rộng, trong thời gian dài với số kinh phí lớn nhất từ trước đến nay. Đây được coi là một trong những giải pháp, là căn cứ để các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch và triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức đặc biệt là khu vực nông thôn.

Lần đầu tiên Trung ương có định hướng rõ về mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng trong từng giai đoạn và ban hành chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng cụ thể cho từng chức danh cán bộ, công chức xã, bàn giao cho các tỉnh thành phố để triển khai thực hiện thống nhất.

Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng như Trường Chính Trị Tô Hiệu, Trường Đại học Hải Phòng, Trường Cao đẳng Cộng đồng, Trung tâm Thông tin - Tin học thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tích cực trong công tác phối hợp, tham gia đầy đủ, trách nhiệm các cuộc hội thảo, các hội nghị tập huấn giảng viên nguồn và triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu. Bản thân mỗi cán bộ, công chức cấp xã cũng đã nhận thức rõ trách nhiệm trong việc nâng cao trình độ đáp ứng tiêu chuẩn chung và yêu cầu công việc, nhiều cán bộ, công chức đã tự giác theo học các lớp đào tạo với nhiều chuyên ngành khác nhau.

Các lớp đào tạo, bồi dưỡng được tổ chức cơ bản đảm bảo yêu cầu chất lượng. Nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng thiết thực, gắn bó trực tiếp đến công việc chuyên môn nghiệp vụ hàng ngày của cán bộ, công chức; từng bước được đổi mới theo hướng tập trung bồi dưỡng trang bị và tập huấn kỹ năng chuyên sâu cho cán bộ, công chức xã các kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng lãnh đạo, quản lý trên các lĩnh vực phục vụ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn. Nội dung bồi dưỡng ngày càng đa dạng, phong phú, tập trung trang bị cho các chức danh cán bộ, công chức xã các kiến thức chung về pháp luật, quản lý hành chính, quản lý kinh tế, quản lý văn hóa, trách nhiệm, đạo đức công vụ, các kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức danh, vị trí việc làm.

Phương pháp hình thức tổ chức bồi dưỡng được cải tiến theo hướng xác thực với điều kiện tình hình công tác của cán bộ, công chức ở địa bàn, cơ sở, giúp cán bộ, công chức nhận thức, nắm bắt, tháo gỡ, xử lý, giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Chương trình tài liệu đã được số hóa tạo điều kiện thuận lợi trong khai thác, sử dụng, chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật thông tin mới của địa phương, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã.

3.2.2. Hạn chế:

Về chương trình đào tạo, bồi dưỡng, giai đoạn 2010-2015, đến năm 2012 mới hoàn thành bộ tài liệu và bàn giao cho các địa phương; giai đoạn 2015 - 2020, đến cuối năm 2018 mới hoàn thành bộ tài liệu và bàn giao cho địa phương. Nhiều bộ tài liệu chưa có nhiều bài tập xử lý tình huống thực tế và phần thực hành, tính cập nhật văn bản chậm, đến nay một số tài liệu không còn tính thời sự hoặc không còn phù hợp do chưa cập nhật những kiến thức mới. Mặt khác sau khi các bộ chương trình tài liệu được ban hành và triển khai thực hiện áp dụng cho toàn quốc

cho thấy nhiều nội dung còn trùng lặp với những nội dung khác mà học viên đã được đào tạo, bồi dưỡng ở các khóa chuyên ngành, nghiệp vụ, chính trị khác. Một số nội dung đến nay không còn phù hợp vì một số văn bản quy phạm pháp luật đã điều chỉnh hoặc thay đổi.

Mặt khác có những nội dung đã nằm trong chương trình tài liệu đào tạo bồi dưỡng khác mà học viên đã được học nhưng không được giảm bớt thời gian do vậy người học thiếu hứng thú làm ảnh hưởng đến chất lượng hiệu quả của công tác bồi dưỡng lãng phí thời gian và kinh phí.

Thời gian tham gia các khóa bồi dưỡng theo quy định từ 1 đến 2 tháng hiện nay là quá dài. Vì thực tế cán bộ công chức đã tham gia các khóa bồi dưỡng tập trung nhưng vẫn phải sắp xếp thời gian để đảm bảo hoàn thành công việc do đó thời gian bồi dưỡng không hợp lý sẽ ảnh hưởng lớn đến tiến độ, hiệu quả công việc (nhất là đối với cán bộ chủ chốt xã), khó khăn trong việc đi lại ở những nơi vùng sâu, vùng xa.

3.2.3. Nguyên nhân:

Về nguồn lực thực hiện: Hải Phòng là một trong số các tỉnh, thành phố tự cân đối về ngân sách, do vậy ngân sách thành phố bố trí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã còn hạn chế.

Theo mục tiêu của Quyết định số 1956/QĐ-TTg thì tiến hành công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức xã nhằm đáp ứng được yêu cầu thực thi công vụ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn nhưng thực tế một số bộ tài liệu đã được ban hành không phân biệt rõ phạm vi ở xã hay ở phường, thị trấn; rất ít nội dung liên quan đến sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

Trình độ cán bộ, công chức xã không đồng đều (trình độ yêu cầu theo quy định là từ Trung cấp trở lên) nên khả năng nhận thức, tiếp thu, vận dụng khác nhau. Một số người khả năng tiếp thu kém (đa số ở người có trình độ sơ cấp hoặc chưa qua đào tạo) dẫn đến tình trạng cán bộ, công chức xã dù đã tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhưng không cải thiện nhiều về kiến thức chuyên môn và các kỹ năng trong thực thi công vụ.

V. TỔNG KẾT MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành:

Những nơi nào có sự chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền, huy động được sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị, phân công rõ ràng về trách nhiệm của các cơ quan và phối hợp chặt chẽ trong thực hiện thì ở nơi đó các chính sách, hoạt động của Đề án được triển khai nhanh, có hiệu quả. Phải kịp thời quán triệt chỉ tổ chức các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn khi xác định được nơi làm việc và mức thu nhập của lao động sau khi học nghề nhằm đảm bảo chỉ đạo của Ban Bí thư và tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt mục tiêu của Đề án;

thường xuyên nâng cao năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về GDNN ở các cấp.

Việc triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn được xác định từ Ban Chỉ đạo cấp huyện trên cơ sở lấy cấp huyện là cấp kế hoạch trong việc đề xuất danh mục nghề đào tạo, số lượng người học, đối tượng ưu tiên, chỉ tiêu đặt hàng dạy nghề, địa bàn đào tạo, đề xuất đơn vị đào tạo, phương án giải quyết việc làm sau đào tạo, dự toán nhu cầu kinh phí, xác nhận đối tượng học nghề, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, lập báo cáo đánh giá tại địa phương...

2. Kinh nghiệm trong thực hiện cơ chế, chính sách để triển khai các hoạt động của Đề án:

Phải nhận thức rõ đào tạo nghề là một khâu trong chuỗi giải quyết việc làm cho người lao động. Kế hoạch đào tạo nghề phải căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp trên địa bàn, nhu cầu học nghề của người lao động và quy hoạch phát triển sản xuất của ngành; cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa địa phương, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo để gắn tổ chức đào tạo nghề, tổ chức lao động sản xuất, bao tiêu sản phẩm hàng hóa theo quy trình khép kín.

3. Kinh nghiệm trong công tác tuyên truyền, vận động:

Công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, hướng nghiệp phải đi trước một bước, cán bộ tuyên truyền phải am hiểu chính sách, nắm được thông tin về đào tạo nghề và việc làm sau học nghề để thông tin đầy đủ, kịp thời cho người lao động. Chỉ khi người dân hiểu rõ, nhận thức đúng về đào tạo nghề trong việc nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống cho bản thân và gia đình thì họ mới tích cực tham gia học nghề.

Cần thực hiện hoạt động tôn vinh, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích trong triển khai các hoạt động của Đề án; tôn vinh người học sau đào tạo sản xuất giỏi, có hoạt động khởi nghiệp.

4. Kinh nghiệm trong phát triển chương trình, giáo trình:

Cần thu hút sự tham gia của các cán bộ kỹ thuật tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, người có tay nghề cao, nghệ nhân, nông dân sản xuất giỏi để xây dựng chương trình, thẩm định chương trình đào tạo, xây dựng nội dung hướng dẫn thực tập sản xuất tại doanh nghiệp, cập nhật sự thay đổi của khoa học công nghệ...

Các cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn cần xây dựng kế hoạch, nội dung và phương pháp đào tạo phù hợp với trình độ, khả năng, điều kiện của người học, thời gian đào tạo, chương trình đào tạo cần được rút ngắn, gọn nhẹ, dễ tiếp cận, tập trung vào thời lượng thực hành để người học nắm bắt kiến thức, hình thành kỹ năng nhanh, đem lại hiệu quả thiết thực cho người học. Tiếp tục cập nhật, chỉnh sửa, biên soạn lại một số chương trình đào tạo nghề truyền thống đặc thù, phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của từng địa phương.

5. Kinh nghiệm trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý:

Cần được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng yêu cầu về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN và cán bộ quản lý GDNN, đáp ứng sự thay đổi của công nghệ sản xuất và yêu cầu của thị trường lao động.

Cần đổi mới phương pháp đào tạo; áp dụng các phương pháp đào tạo tích cực, hiện đại thay cho phương pháp đào tạo truyền thống, người học cần được tiếp xúc trực tiếp với các loại máy móc, nông cụ; cần được thao tác, vận dụng, ứng dụng trực tiếp phù hợp với từng ngành nghề được học.

6. Kinh nghiệm trong việc triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

Việc tổ chức các lớp đào tạo xuất phát từ nhu cầu người học, yêu cầu về chuyển dịch cơ cấu lao động, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quan tâm đến yếu tố vùng miền để đào tạo nghề phù hợp, phát huy nghề truyền thống của địa phương, đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí. Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp trong các hoạt động đào tạo từ khảo sát nhu cầu người học, nhu cầu, yêu cầu tuyển dụng lao động để tuyển sinh, xây dựng chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo phù hợp, thực hành, thực tập sản xuất tại doanh nghiệp và được doanh nghiệp tiếp nhận, tuyển dụng sau tốt nghiệp... Gắn đào tạo với liên kết sản xuất, hỗ trợ vốn sản xuất, tạo việc làm cho lao động nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

7. Kinh nghiệm trong việc huy động nguồn lực thực hiện:

Tăng cường sự phối hợp, lồng ghép giữa các chương trình, Đề án khác như: Dự án Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN, Đề án Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm, Chương trình Khuyến công quốc gia, Đào tạo cho lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa...; huy động từ nhiều nguồn lực khác nhau như ngân sách nhà nước, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, người học... để thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Đào tạo nghề cần được thực hiện đồng bộ với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là chính sách giải quyết việc làm, đất đai, tín dụng, phát triển thị trường hàng hóa...

8. Kinh nghiệm trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo nghề cũng như hỗ trợ, giải quyết việc làm sau đào tạo, hiệu quả sau đào tạo phải được thực hiện thường xuyên, toàn diện, nghiêm túc.

9. Kinh nghiệm trong việc phối hợp của doanh nghiệp trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về quyền và trách nhiệm trong hoạt động GDNN nói chung và trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn nói riêng để doanh nghiệp thấy sự cần thiết hợp tác với cơ sở GDNN. Cần kết hợp chặt chẽ giữa

cơ sở GDNN và doanh nghiệp, huy động được sự tham gia của các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp có khả năng thu hút lao động qua đào tạo nghề từ khâu xây dựng nội dung chương trình đến quá trình tổ chức đào tạo và nhận người học nghề vào làm việc tại doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp.

Phần thứ hai:

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ DỰ KIẾN ĐẾN NĂM 2030

I. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT

Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Chương trình hành động 76-CTr/TU ngày 08/7/2019 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới. Theo đó, tiếp tục triển khai có hiệu quả các cơ chế chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề; chú trọng đào tạo lại và đào tạo thường xuyên lực lượng lao động để tạo chuyển biến mạnh mẽ về quy mô, chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp; bảo đảm người học có kỹ năng chuyên môn, kỹ năng số, kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp và ngoại ngữ... thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động.

Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn thành phố. Theo đó, người học trong độ tuổi lao động được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố.

Kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2010-2020.

II. MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ ĐẾN NĂM 2030

Giai đoạn 2021-2025 đào tạo nghề cho 120.000 lao động nông thôn các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và dưới 03 tháng, trong đó:

Trình độ cao đẳng: 10.750 sinh viên.

Trình độ trung cấp: 14.350 học sinh.

Trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng: 106. 550 học viên.

* Hiệu quả: Sau khi tốt nghiệp, tối thiểu 85% học viên lao động nông thôn có việc làm ổn định và tăng thu nhập.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Về chính sách:

- Đề nghị Chính phủ tiếp tục tăng cường chỉ đạo các địa phương thực hiện quyết liệt chủ trương phân luồng học sinh phổ thông sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp theo Quyết định 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; cần có chính sách đột phá, khuyến khích hơn nữa nhằm thu hút người vào học giáo dục nghề nghiệp, nhất là lao động ở nông thôn, nhằm hạn chế thấp nhất tình trạng “thừa thầy, thiếu thợ”, góp phần giảm bớt tình trạng sinh viên đại học thất nghiệp sau đào tạo, gây lãng phí cho gia đình và xã hội như hiện nay.

- Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

+ Xây dựng, ban hành chính sách sử dụng lao động sau đào tạo: Chính sách thu hút, sử dụng người tài sau đào tạo có tác dụng tích cực, kích thích sự tham gia học nghề, cố gắng học nghề đạt kết quả tốt của người lao động. Một số chính sách cụ thể trong thực hiện chính sách sử dụng lao động sau đào tạo như: tiền lương, thu nhập, các khoản phúc lợi, điều kiện làm việc, các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp...đối với lao động có chuyên môn kỹ thuật.

- Xây dựng, ban hành các tiêu chí, tiêu chuẩn, các chế độ đãi ngộ, chính sách hợp lý nhằm thu hút những người thực sự giỏi, có năng lực, kỹ năng giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, nhất là các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, nhà quản lý giỏi ở các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

2. Về cơ chế thực hiện:

Đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội:

- Nghiên cứu tăng thời gian hỗ trợ lao động nông thôn tham học nghề do mức thời gian hiện được hỗ trợ ngắn (03 tháng), chưa đảm bảo kỹ năng nghề cho học viên lao động nông thôn;

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế liên kết với doanh nghiệp trong việc xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, trong việc đưa người học, người dạy đến thực tập, kiến tập, làm quen với máy móc, thiết bị và các hoạt động của doanh nghiệp. Tạo cơ chế, chính sách hợp lý để khuyến khích doanh nghiệp tăng cường hợp tác, kết nối chặt chẽ với các cơ sở đào tạo, xem việc này như là một trong những nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của họ.

3. Về nguồn lực thực hiện:

Tiếp tục bố trí nguồn lực và điều phối nguồn lực từ các dự án, chương trình để đầu tư tập trung đồng bộ đối với các trường nghề chất lượng cao và nghề trọng điểm; xem xét, quan tâm đầu tư cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các quận, huyện được bổ sung chức năng đào tạo nghề, nhất là Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Cát Hải do tính đặc thù của huyện đảo xa đất liền, tạo điều kiện cho người dân huyện đảo học nghề tại chỗ, có cơ hội được tuyển dụng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

4. Về giải pháp triển khai thực hiện:

4.1. Công tác chỉ đạo điều hành của thành phố:

Tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân và xã hội về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; nghiêm túc quán triệt và thực hiện nguyên tắc: *“Địa phương phải phê duyệt quy hoạch sản xuất, quy hoạch nhân lực, làm cơ sở để triển khai. Không tổ chức dạy và học khi người lao động không dự báo được nơi làm và mức thu nhập với việc làm có được sau khi học”*.

Huy động sự tham gia đồng bộ giữa các cấp, các ngành, đoàn thể các cấp, đặc biệt là sự tham gia của các đoàn thể chính trị - xã hội như: Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh... vào công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

Chỉ đạo tăng cường gắn kết đào tạo nghề nghiệp với doanh nghiệp; giao các cơ quan chuyên môn tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong đó mở rộng đối tượng thụ hưởng là phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, người chấp hành xong án phạt tù, lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa và các đối tượng khác tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn thành phố, trong đó ưu tiên người khuyết tật và các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân.

4.2. Nâng cao năng lực của các cơ sở đào tạo nghề nghiệp cho lao động nông thôn; đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động có tay nghề tham gia vào thị trường lao động:

Tăng cường năng lực và nâng cao chất lượng tuyển sinh và đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Làm tốt công tác tư vấn học nghề, tư vấn việc làm sau đào tạo; làm tốt công tác phân luồng, định hướng học sinh học nghề sau tốt nghiệp trung học cơ sở và phổ thông trung học.

Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề, nhất là các cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân, thợ có tay nghề cao, nông dân sản xuất giỏi tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đảm bảo thực hiện Đề án hiệu quả; tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo từ các nguồn ngân sách trung ương, thành phố; huy động doanh nghiệp phối hợp hỗ trợ máy móc, thiết bị phục vụ công tác giảng dạy, thực hành, thực tập của học viên; tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo phù hợp với người học nghề là lao động nông thôn; chủ động xây dựng lộ trình thực hiện chuyển đổi hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách

nhiệm theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và theo mô hình doanh nghiệp đào tạo nghề nghiệp.

4.3. Tăng cường quản lý hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

Tiếp tục nâng cao năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về GDNN ở các cấp; tổ chức đánh giá toàn diện các hoạt động của Đề án, rút ra kinh nghiệm tốt; các tồn tại, hạn chế cần khắc phục, đề chỉ đạo các cơ quan chức năng nâng cao chất lượng trong việc tham mưu, đề xuất kế hoạch hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn những năm tiếp theo.

Lồng ghép công tác đào tạo nghề cho người khuyết tật, Đề án Hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, đào tạo nghề cho lao động chưa có văn bằng, chứng chỉ nghề theo Chương trình Khuyến công quốc gia, đào tạo nghề cho người hưởng trợ cấp thất nghiệp...vào Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố.

Tiếp tục đẩy mạnh nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới, ưu tiên đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động thuộc hộ gia đình mất đất, gia đình chính sách, người khuyết tật, làm giảm tỷ lệ hộ nghèo, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; động viên cán bộ, công chức tham gia đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ theo chương trình, mục tiêu của Đề án. Tiếp tục đảm bảo nguồn lực để hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án được duyệt.

4.4. Tăng cường công tác phối hợp giữa Nhà nước, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn có hiệu quả:

Nâng cao trách nhiệm của các cơ sở đào tạo gắn với trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc giới thiệu, đảm bảo việc làm cho người học nghề trước khi tổ chức đào tạo; tăng cường thực hiện đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp, đảm bảo người học sau khi tốt nghiệp được tuyển dụng, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động ở khu vực nông thôn; phối hợp ký cam kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp về sử dụng lao động sau đào tạo.

Khuyến khích thành lập bộ phận hỗ trợ việc làm tại mỗi cơ sở GDNN nhằm kết nối việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp với các đơn vị tuyển dụng; cung cấp thông tin tuyển dụng của doanh nghiệp và các thông tin dự án đầu tư kịp thời; hỗ trợ người học nghề trong quá trình phỏng vấn tuyển dụng; thống kê, tổng kết, đánh giá kết quả phỏng vấn việc làm để nâng cao hiệu quả hỗ trợ giới thiệu việc làm cho người học nghề, đảm bảo cho hoạt động đào tạo đúng đối tượng và trùng với nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động.

Có cơ chế, chính sách hỗ trợ sau đào tạo nhằm chuyển đổi nghề, tạo việc làm bền vững cho người lao động như vay vốn, đôn điền đổi thửa, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, hỗ trợ giống, thị trường lao động, hỗ trợ đào tạo theo mô đun, đào tạo bổ sung kỹ năng cho người lao động.

4.5. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát:

Tiếp tục tổ chức kiểm tra việc thực hiện pháp luật về GDNN nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Các cơ quan quản lý nhà nước thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo đã được đầu tư tại các cơ sở đào tạo nghề nghiệp, kiểm tra việc thực hiện chương trình, giáo trình, quản lý các lớp đào tạo cho lao động nông thôn; tiếp tục phát huy vai trò thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan, tổ chức đoàn thể, nhân dân đối với công tác đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn sau đào tạo./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTB&XH;
- Tổng cục GDNN;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các thành viên BCĐ Đề án TP;
- UBND các huyện, quận;
- Các cơ sở GDNN;
- CPVP;
- Các Phòng: VX, TCNS, NNTNMT, KSTTHC;
- CV: LĐ;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Khắc Nam

